

Quản lý phiên bản

No.	Nội dung thay đổi	Phiên bản	Ngày thay đổi	Người thực hiện
1.	Khởi tạo tài liệu	1.0		
2.	Update thông tin màn CRUD kho		17/09/2024	
4	Update nghiệp vụ kiểm kê		23/12/2024	

Quản lý kho

1. Thêm mới kho

Link figma : [DMS – Figma](#)

1.1 Mô tả chung

Mục đích	Là nhân viên kho, tôi muốn tạo mới kho, để quản lý hàng hóa
Đối tượng sử dụng	Quản lý kho, nhân viên kho,..
Đối tượng ảnh hưởng	Quản lý kho, nhân viên kho,..
Kênh áp dụng	App
Đường dẫn chức năng	Trang chủ > Kho hàng > Icon Kho
Dữ liệu đầu vào	Thông tin country bên resoure
Dữ liệu đầu ra	Thông tin kho

1.2 Mô tả màn hình

Lưu ý : Các mục update là vùng khoanh đỏ tại màn thêm mới

Tạo kho 1

9:41

Tạo kho

Mã kho
Nhập mã kho

Tên kho *
Nhập tên kho

Có quản lý vị trí kho

Phương pháp lưu trữ hàng hóa

Nhập hàng

Lưu trữ hàng hóa trực tiếp (1 bước)

Lưu trữ hàng hóa tập kết và phân loại (2 bước)

Lưu trữ hàng hóa kết hợp quản lý chất lượng (3 bước)

Xuất hàng

Lưu trữ hàng hóa trực tiếp (1 bước)

Lưu trữ hàng hóa định vị (2 bước)

Lưu trữ hàng hóa t kết hợp quản lý chất lượng (3 bước)

Tỉnh/Thành phố
TP Hồ Chí Minh

Quận/Huyện
Quận Tân Bình

Phường/Xã
Phường 12

Địa chỉ *
Nhập địa chỉ

Điều kiện bảo quản

Cấu hình thông tin bổ sung

Đặt làm kho mặc định

Thông tin thêm

Tạo kho

Tạo kho - đủ thông tin

9:41

Tạo kho

Mã kho
Nhập mã kho

Tên kho *
Nhập tên kho

Có quản lý vị trí kho

Phương pháp lưu trữ hàng hóa

Nhập hàng

Lưu trữ hàng hóa trực tiếp (1 bước)

Lưu trữ hàng hóa tập kết và phân loại (2 bước)

Lưu trữ hàng hóa kết hợp quản lý chất lượng (3 bước)

Xuất hàng

Lưu trữ hàng hóa trực tiếp (1 bước)

Lưu trữ hàng hóa định vị (2 bước)

Lưu trữ hàng hóa t kết hợp quản lý chất lượng (3 bước)

Tỉnh/Thành phố
TP Hồ Chí Minh

Quận/Huyện
Quận Tân Bình

Phường/Xã
Phường 12

Địa chỉ *
Nhập địa chỉ

Điều kiện bảo quản

Nhiệt độ bảo quản tiêu chuẩn *
Nhập nhiệt độ độ C

Nhiệt độ bảo quản tối thiểu *
Nhập nhiệt độ độ F

Độ ẩm tiêu chuẩn *
Nhập độ ẩm độ F

Tạo kho

ST T	Tên trường	Loại contr ol	Chỉn h sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Mã kho	<u>Single line of text</u>		Có		<p>Tối đa 50 ký tự, không khoảng trắng, không chứa ký tự đặc biệt, chỉ cho phép ký tự đặc biệt “_”. Tự động viết hoa</p> <p>Nếu không nhập thì tự động sinh mã theo quy tắc KHOTP-STT</p> <p>Cách tạo mã tự sinh:</p> <p>Bao gồm 9 ký tự</p> <p>5 ký tự đầu sẽ là chữ cái viết tắt của chữ Kho thành phẩm</p> <p>4 ký tự sau sẽ tăng dần từ 0000→9999</p> <p>Lấy bằng số tăng dần cao nhất trong DB + 1 ký tự.</p>
	Tên kho (*)	<u>Single line of text</u>		Có		<p>Tối đa 250 ký tự, có khoảng trắng, full ký tự đặc biệt, không phân biệt hoa thường, check trùng phải là duy nhất</p>
	Có quản lý vị trí kho	Check box			Unche ck	<p>Nếu tích checkbox, kho này được phép quản lý và lưu trữ hàng hóa chi tiết theo vị trí</p>
	Tỉnh/Thàn h phố	<u>Single choice dropd own list</u>				Lấy thông tin thành phố bên resoure

	Quận/Huy ện	<u>Single choice dropd own list</u>			Lấy thông tin quận huyện bên resoure
	Phường/X ã	<u>Single choice dropd own list</u>			Lấy thông tin phường xã bên resoure
	Địa chỉ (*)	<u>Single line of text</u>	Có		Tối đa 250 ký tự, có khoảng trắng, full ký tự đặc biệt, không phân biệt hoa thường, check trùng phải là duy nhất
	Phương pháp lưu trữ/Nhập kho				<p>Mặc định suggest giá trị đầu tiên = phương pháp lưu trữ 1 bước</p> <p>Gồm 3 phương thức lưu trữ : 1 bước, 2 bước, 3 bước</p> <p>1. Phương pháp lưu trữ hàng hóa trực tiếp (Hover : Nhận hàng trực tiếp(1 bước))</p> <p>2. Phương pháp lưu trữ hàng hóa định vị (Hover : hàng hóa được nhập vào kho theo 2 bước :</p> <ul style="list-style-type: none"> +Bước 1 : Lưu trữ trong một vị trí tập kết chung, phân loại và sắp xếp thành từng đơn vị hàng hóa riêng lẻ +Bước 2 : Nhập vào từng vị trí cụ thể) <p>3. Phương pháp lưu trữ hàng hóa trực tiếp kết hợp quản lý chất lượng (Hover :</p>

					Hàng hóa được nhập kho theo 3 bước : +Bước 1 : Hàng hóa được lưu trữ trong một vị trí tập kết chung. +Bước 2 : Kiểm tra chất lượng trước sau đó phân loại và sắp xếp thành từng đơn vị hàng hóa riêng lẻ +Bước 3 : Nhập vào từng vị trí cụ thể
	Phương pháp lưu trữ/ Xuất kho				Mặc định suggest giá trị đầu tiên = phương pháp lưu trữ 1 bước Gồm 3 phương thức lưu trữ : 1 bước, 2 bước, 3 bước 1.Phương pháp lưu trữ hàng hóa trực tiếp (Hover : Xuất hàng trực tiếp(1 bước) 2.Phương pháp lưu trữ hàng hóa định vị (Hover : hàng hóa được xuất kho theo 2 bước : +Bước 1 : Xuất hàng ra một vị trí tập kết chung, phân loại và sắp xếp thành từng đơn vị hàng hóa riêng lẻ +Bước 2 : Xuất hàng ra đến vị trí đích 3.Phương pháp lưu trữ hàng hóa trực tiếp kết hợp quản lý chất lượng (Hover : Hàng hóa được xuất kho theo 3 bước : +Bước 1 : Xuất hàng ra một vị trí tập kết chung. +Bước 2 : Kiểm tra chất lượng trước sau đó phân loại và sắp xếp thành từng đơn vị hàng hóa riêng lẻ +Bước 3 : Xuất hàng ra đến vị trí đích
	Điều kiện bảo quản	Check box		Không	Click checkbox trong trường hợp muốn cấu hình chi tiết cho kho

	Nhiệt độ bảo quản tiêu chuẩn (*)	<u>Single line of text</u>		Có	Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách)
	Nhiệt độ bảo quản tối thiểu (*)	<u>Single line of text</u>		Có	Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách)
	Độ ẩm tiêu chuẩn (*)	<u>Single choice dropdown list</u>		Có	Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách)
	Cấu hình thông tin bổ sung	Check box		Không	Click checkbox trong trường hợp muốn cấu hình chi tiết cho kho
	Kinh độ	<u>Single line of text</u>			Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách)
	Vĩ độ	<u>Single line of text</u>			Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách)
	Chiều dài	<u>Single line of text</u>			<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) 2. Chọn đơn vị quản lý : lấy từ danh mục đơn vị tính từ phân hệ product

	Chiều rộng	<u>Single line of text</u>			<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) 2. Chọn đơn vị quản lý : lấy từ danh mục đơn vị tính từ phân hệ product
	Chiều cao	<u>Single line of text</u>			<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) 2. Chọn đơn vị quản lý : lấy từ danh mục đơn vị tính từ phân hệ product
	Tải trọng nền	<u>Single line of text</u>			<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhập số thực, tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) 2. Chọn đơn vị quản lý : lấy từ danh mục đơn vị tính từ phân hệ product

1.3 Checklist

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không

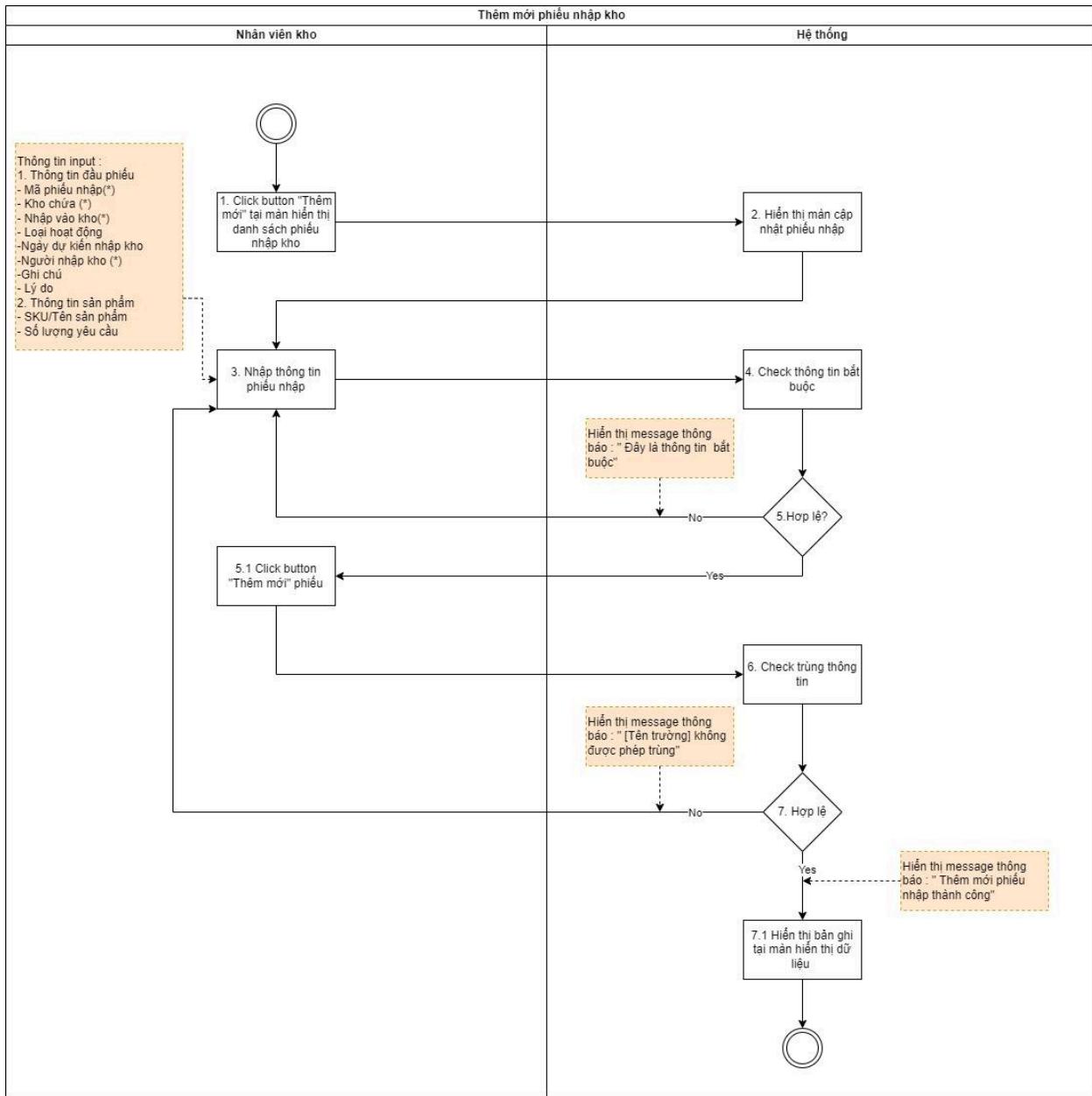
STT	Checklist	Mô tả	
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

1.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

Nhập kho

2. Thêm mới phiếu nhập kho



Link figma : [DMS – Figma](#)

2.1 Mô tả chung

Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi muốn thêm mới phiếu thủ công, để thực hiện tạo yêu cầu nhập cho kho thành phẩm</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Quản lý kho, nhân viên kho,..</i>

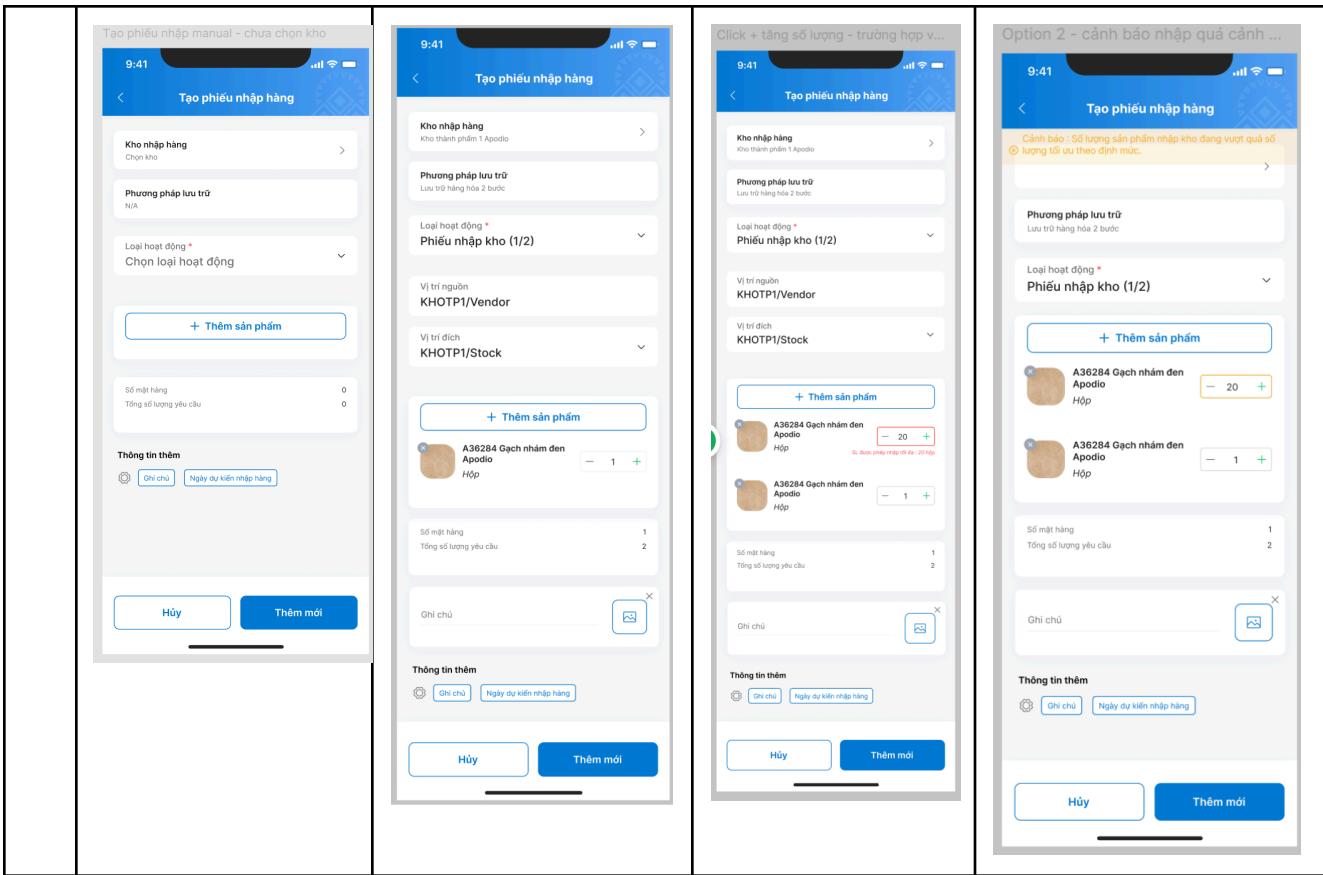
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Quản lý kho, nhân viên kho,..</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Trang chủ > Kho hàng > Nhập kho > Danh sách phiếu nhập > Thêm mới</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin kho, thông tin tồn kho</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin phiếu nhập kho</i>

Actor chính	
Mô tả	
Trigger	
Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)	
Dòng sự kiện chính (Main Flow)	
Dòng sự kiện thay thế	

(Alternative Flows)	
Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)	
Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)	
Business Rules	

2.2 Mô tả màn hình :

	Tạo phiếu nhập manual - chưa chọn kho	Tạo phiếu nhập manual - đã chọn kho - config quản lý vị trí kho	Click + tăng số lượng - trường hợp vượt quá định mức vật lý	Option 2 - cảnh báo nhập quá cảnh báo tồn kho tối đa
--	---------------------------------------	---	---	--



ST T	Tên trường	Loại contr ol	Chỉn h sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Kho nhập (*)	<u>Single choice dropd own list</u>				Là vị trí hàng nhập vào kho (bắt buộc). Droplist danh sách kho theo loại kho chọn bên trên.

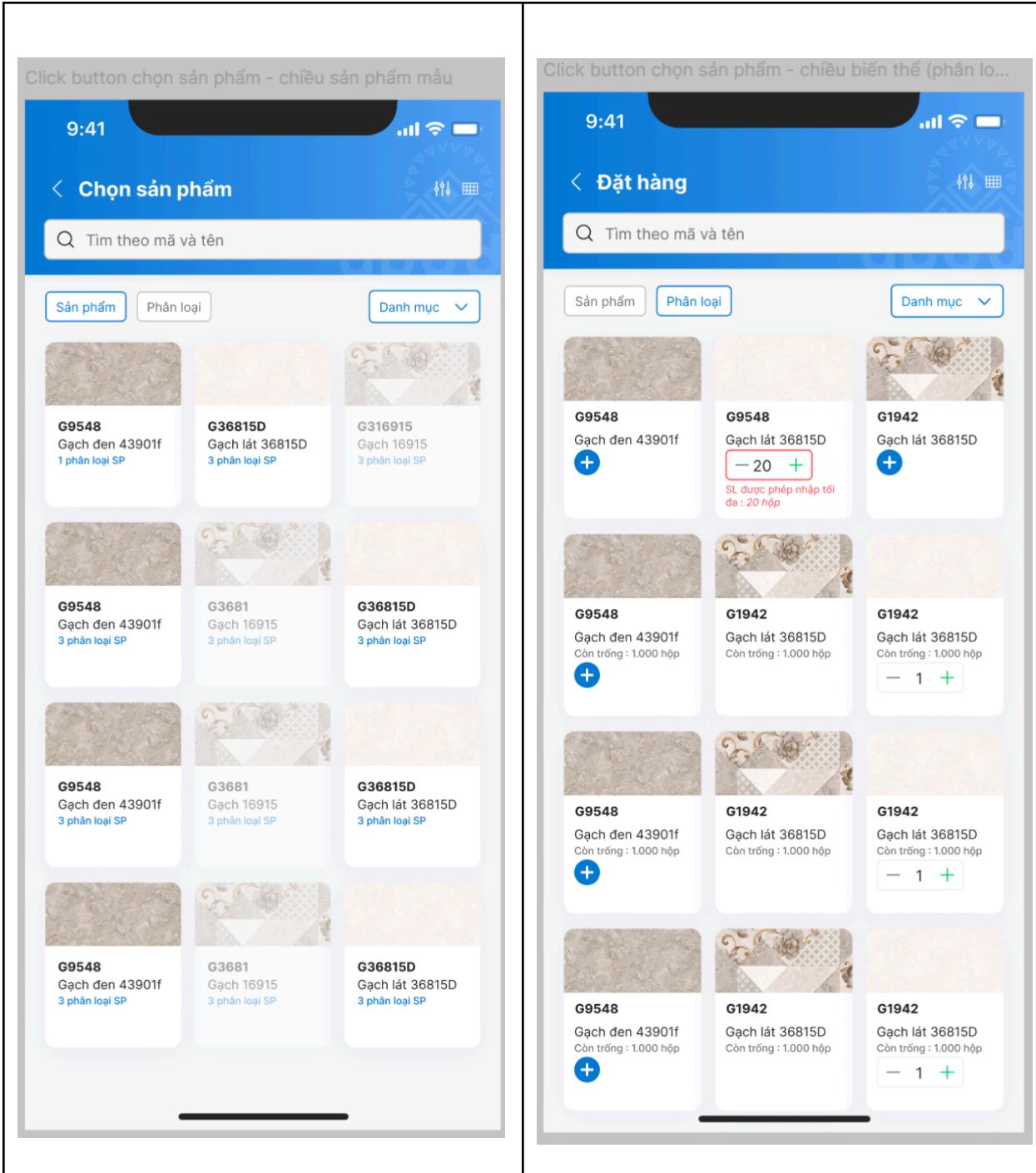
	Phuong pháp lưu trữ				Hiển thị phương pháp nhập lưu trữ từ màn tạo mới kho theo phương pháp 1,2,3 bước
	Loại hoạt động (*)	<u>Single choice</u> <u>dropd own</u> <u>list</u>			Trả mặc định loại hoạt động nhập theo phương pháp lưu trữ  Picking type phương pháp lưu trữ
	Vị trí nguồn				Hiển thị vị trí nguồn theo loại hoạt động vừa chọn
	Vị trí đích	<u>Single choice</u> <u>dropd own</u> <u>list</u>			<p>Hiển thị vị trí nguồn theo loại hoạt động vừa chọn.</p> <ol style="list-style-type: none"> Trường hợp chọn lại vị trí : được phép chọn tất cả các vị trí là vị trí nguồn ở màn loại hoạt động => show list vị trí đích map với vị trí đích ở màn loại hoạt động. Sau khi chọn vị trí, loại hoạt động được update lại theo vị trí nguồn đích đã chọn Ngoài ra cần check cấu hình có được phép skip hay không show ra các loại hoạt động k skip theo kho  Picking type phương pháp ...
	Thêm sản phẩm	<u>Butto n</u>			<p>Line 1 : Hiển thị Mã + tên sản phẩm (theo biển thẻ) trên cùng 1 line (tối đa 50 ký tự)</p> <p>Line 2 : Hiển thị đơn vị tính (đơn vị lưu kho) của sản phẩm</p> <p>1.Click button Thêm sản phẩm hiển thị</p>

						danh sách tất cả sản phẩm check theo kho đã chọn được phép áp dụng 2. Chi tiết mô tả chọn sản phẩm nhập hàng : <u>Xem chi tiết</u> 3. Button +- sản phẩm : được phép tăng giảm số lượng tại màn thêm mới phiếu nhập 3.1 Validate đỏ : “SL được phép nhập tối đa : ...” trong trường hợp có cấu hình định mức lưu trữ vật lý và không được submit 3.2 Validate vàng : hiển thị label cảnh báo “Cảnh báo : Số lượng sản phẩm nhập kho đang vượt quá số lượng tối ưu theo định mức.” trong trường hợp có cấu hình cảnh báo tồn kho
	Số mặt hàng					Hiển thị số mã hàng đã chọn bên trên
	Tổng số lượng yêu cầu					Hiển thị tổng số lượng = tổng số lượng yêu cầu của tất cả các mã hàng yêu cầu
Thông tin thêm						
	Ghi chú					<p>Click button hiển thị textbox gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhập nội dung ghi chú. Tối đa 250 ký tự. -Upload ảnh : Cho phép upload tối đa 5 ảnh (5MB) <p>Link figma demo chọn ghi chú : <u>DMS – Figma</u></p> 

	Ngày mong muốn nhập hàng	<u>Button</u>				Click button, hiển thị calendar chọn ngày khách hàng mong muốn nhập hàng. Validate : Ngày hiện tại <= Ngày mong muốn nhập hàng
	Thêm mới	<u>Button</u>				<p>Check thông tin input,..</p> <p>Sau khi submit thành công, phiếu nhập kho hiển thị tại màn danh sách phiếu nhập với trạng thái Chưa xử lý</p> <p>Mã phiếu nhập tự động sinh theo định dạng PXKTC-STT</p>

2.2.1 Thêm sản phẩm nhập kho

Click button thêm sản phẩm - chiều sản phẩm mẫu	Click button chọn sản phẩm - chiều biến thể (phân loại của sản phẩm)
---	--



Link figma : [DMS – Figma](#)

2.1.2 Màn hình

Đường dẫn : Tại màn thêm mới phiếu nhập, click button thêm sản phẩm => Hiển thị màn chọn sản phẩm nhập kho

ST T	Tên trường	Loại control	Bắt buộc	Mô tả
	Sắp xếp			<p>Click button để cấu hình sắp xếp cho sản phẩm</p> <p>Cho phép sắp xếp theo</p> <p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời gian tạo mới nhất • Thời gian tạo cũ nhất <p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> • Theo tên từ A đến Z • Theo tên từ Z đến A
	Icon layout			Click button để đổi layout chọn, có 2 layout chọn theo dạng list 1 sản phẩm 1 dòng và dạng lưới 3 sản phẩm 1 dòng
	Tìm kiếm	<u>Button</u>		<p>Click button để tìm kiếm chi tiết sản phẩm,</p> <p>Cho phép tìm kiếm tương đối theo mã và tên sản phẩm</p>
	Sản phẩm	<u>Button</u>		<p>Mặc định chọn, khi chọn thì hiển thị danh sách product_template trên hệ thống</p> <p>danh sách hiển thị dạng layout người dùng chọn</p>
	Phân loại	<u>Button</u>		Click button hiển thị danh sách product(biến thể) trên hệ thống

				<p>Danh sách hiển thị dạng layout người dùng chọn</p> <p>Thứ tự biến thể hiển thị lần lượt theo thứ tự sản phẩm mẫu</p> <p>Trường hợp có chọn sắp xếp theo thời gian tạo thì hiển thị thứ tự theo thời gian tạo product_template của biến thể</p>
	Danh mục	<u>Single choice dropdown list</u>		<p>Click chọn hiển thị danh sách danh mục trên hệ thống</p> <p>Trường hợp chọn danh mục thì search hiển thị các sản phẩm theo danh mục được chọn</p> <p>Trường hợp có đổi sang tab phân loại khi đã filter theo danh mục thì danh sách sản phẩm biến thể cũng được load lại search theo danh mục được chọn</p>
	Thông tin sản phẩm	<u>Button</u>		<p>1. Hiển thị tất cả sản phẩm có type là Thành phẩm bán hàng gồm các thông tin :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Mã -Tên -Số lượng biến thể của sản phẩm (Trường hợp không có biến thể thì ko hiển thị line này) -Radio button : Click để chọn sản phẩm (không có biến thể) muốn thêm vào giỏ hàng. Trường hợp sản phẩm có biến thể => disable radio button, bắt buộc đi vào màn danh sách các biến thể để thêm sản phẩm vào giỏ hàng. <p>Màn hình demo trường hợp chọn sản phẩm, link figma : <u>DMS – Figma</u></p>

				<p>2.Click box thông tin sản phẩm để :</p> <p>2.1 Click box hiển thị màn chi tiết thông tin sản phẩm (với sản phẩm không có biến thể): Xem chi tiết Link figma : DMS – Figma</p> <p>2.2 Click box hiển thị màn danh sách các biến thể (với sản phẩm có biến thể) : Xem chi tiết Link figma : DMS – Figma</p>
	Giỏ hàng	<u>Single choice dropdown list</u>		<p>Hiển thị thông tin sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng, bao gồm các thông tin :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng mặt hàng đã thêm vào giỏ -Button tiếp tục : Click button điều hướng sang màn thêm mới đơn hàng và hiển thị danh sách các mặt hàng + số lượng đã chọn

2.3 Checklist

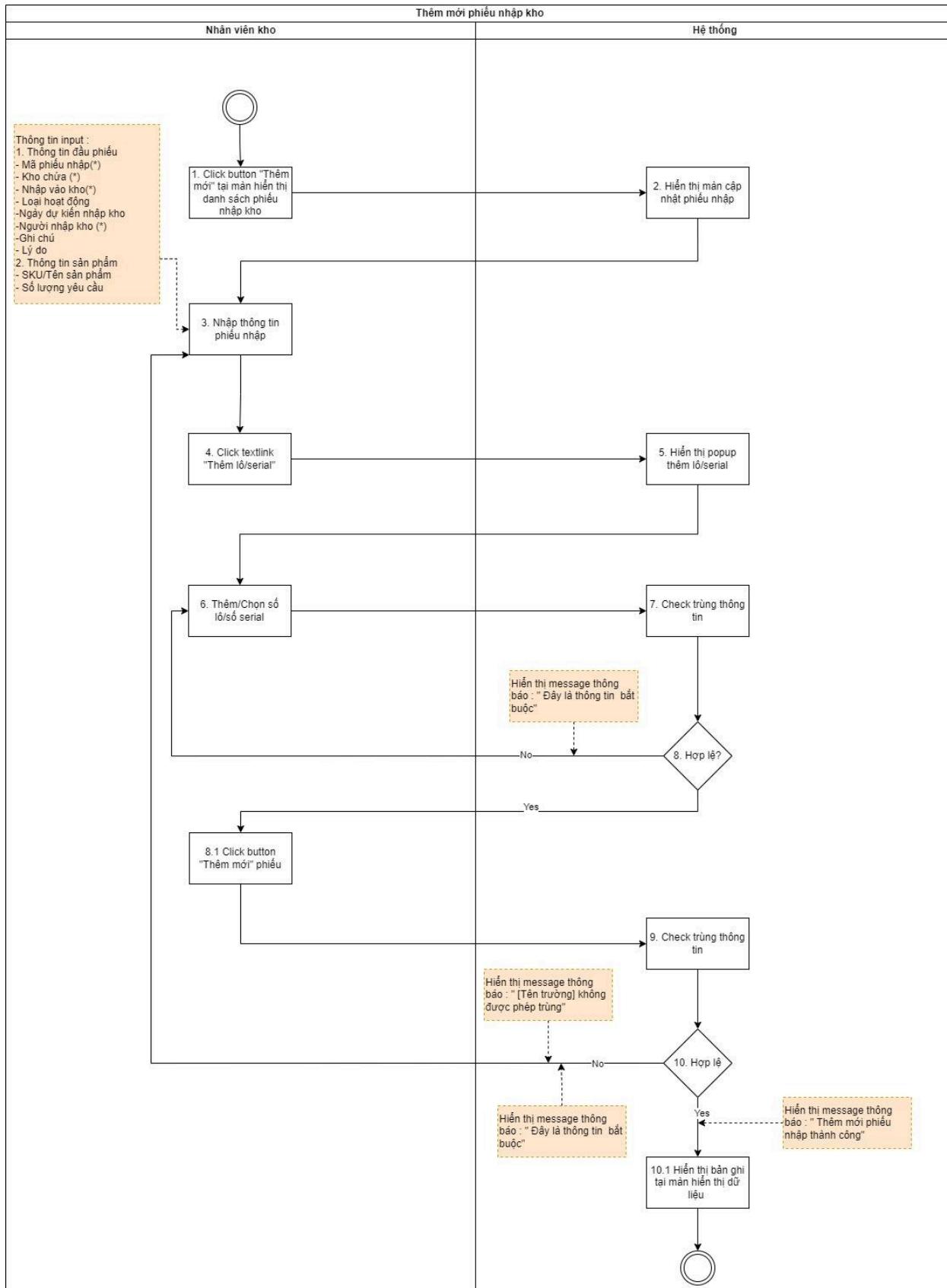
STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không

STT	Checklist	Mô tả	
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

2.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

3. Cập nhật phiếu nhập kho



3.1 Mô tả chung

Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi muốn thêm mới phiếu nhập thủ công, để thực hiện tạo yêu cầu nhập cho kho thành phẩm</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Quản lý kho, nhân viên kho,..</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Quản lý kho, nhân viên kho,..</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Trang chủ > Kho hàng > Nhập kho > Danh sách phiếu nhập > Thêm mới</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin kho, thông tin tồn kho</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin phiếu nhập kho</i>

Actor chính	
Mô tả	
Trigger	

Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)	
Dòng sự kiện chính (Main Flow)	
Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)	
Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)	
Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)	
Business Rules	

3.2 Mô tả màn hình

Link figma : [DMS – Figma](#)

3.3 Checklist

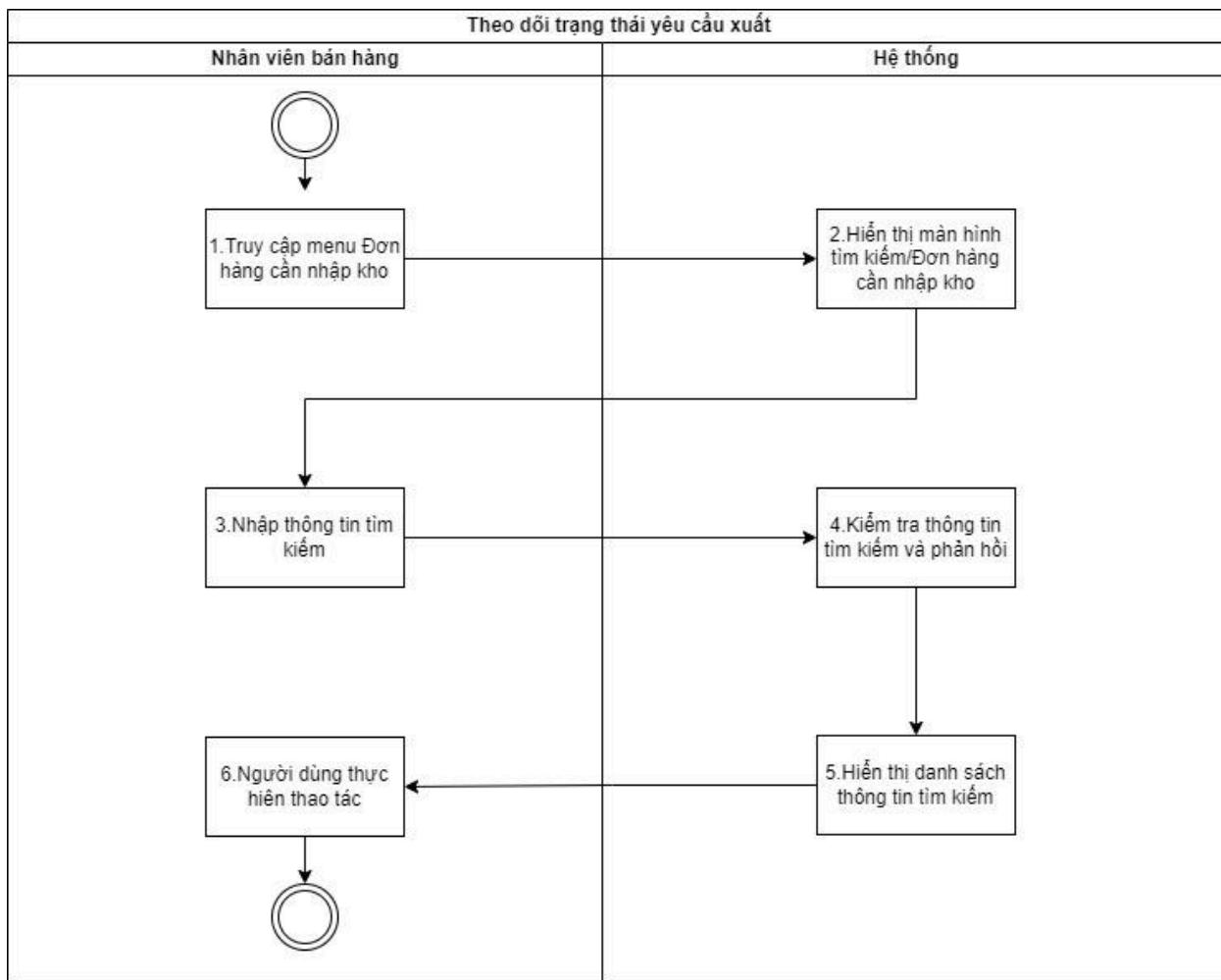
STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không

STT	Checklist	Mô tả	
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

3.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

4. Theo dõi yêu cầu nhập kho



4.1 Mô tả chung

Mục đích	[APP] Là nhân viên kho, tôi muốn theo dõi danh sách yêu cầu nhập từ các nguồn đơn, để nắm bắt tình hình nhập kho thành phẩm
Đối tượng sử dụng	Quản lý kho, nhân viên kho,..
Đối tượng ảnh hưởng	Quản lý kho, nhân viên kho,..
Kênh áp dụng	App

Đường dẫn chức năng	<i>Trang chủ > Kho hàng > Nhập kho > Danh sách yêu cầu nhập</i>
Dữ liệu đầu vào	
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin yêu cầu nhập</i>

Actor chính	
Mô tả	
Trigger	
Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)	
Dòng sự kiện chính (Main Flow)	
Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)	
Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)	

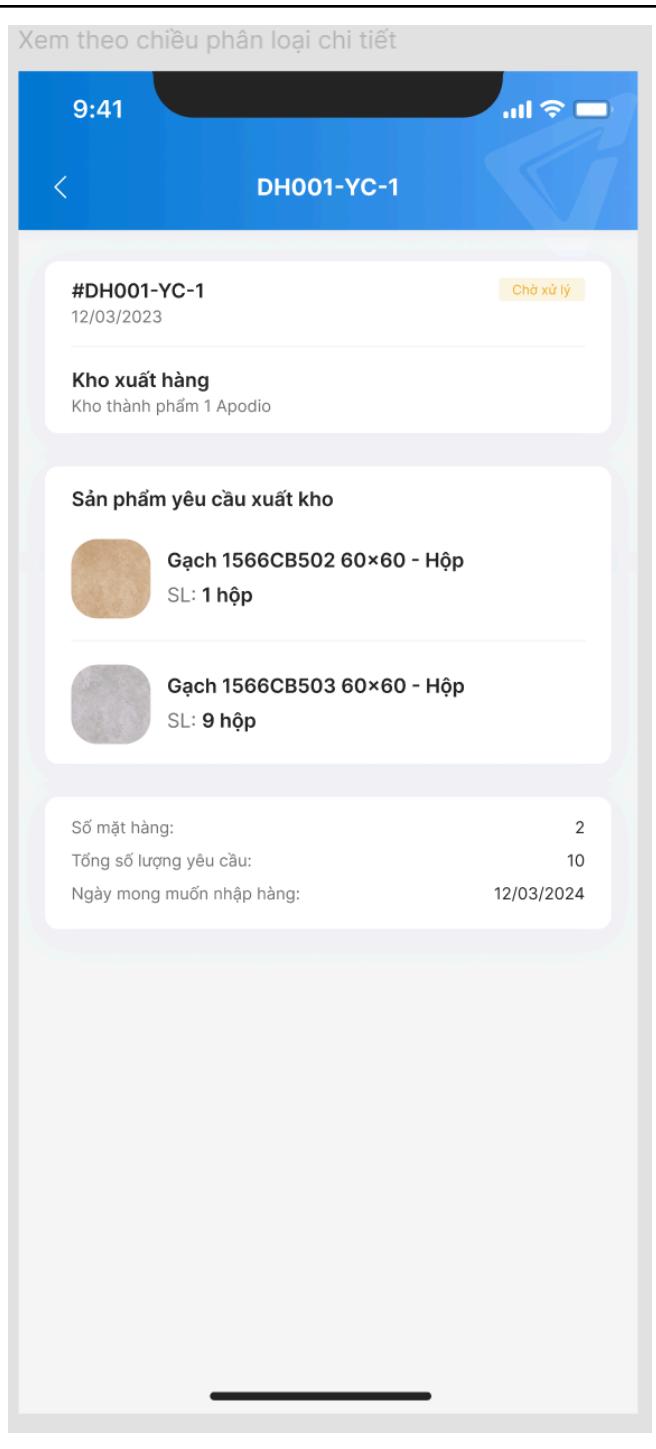
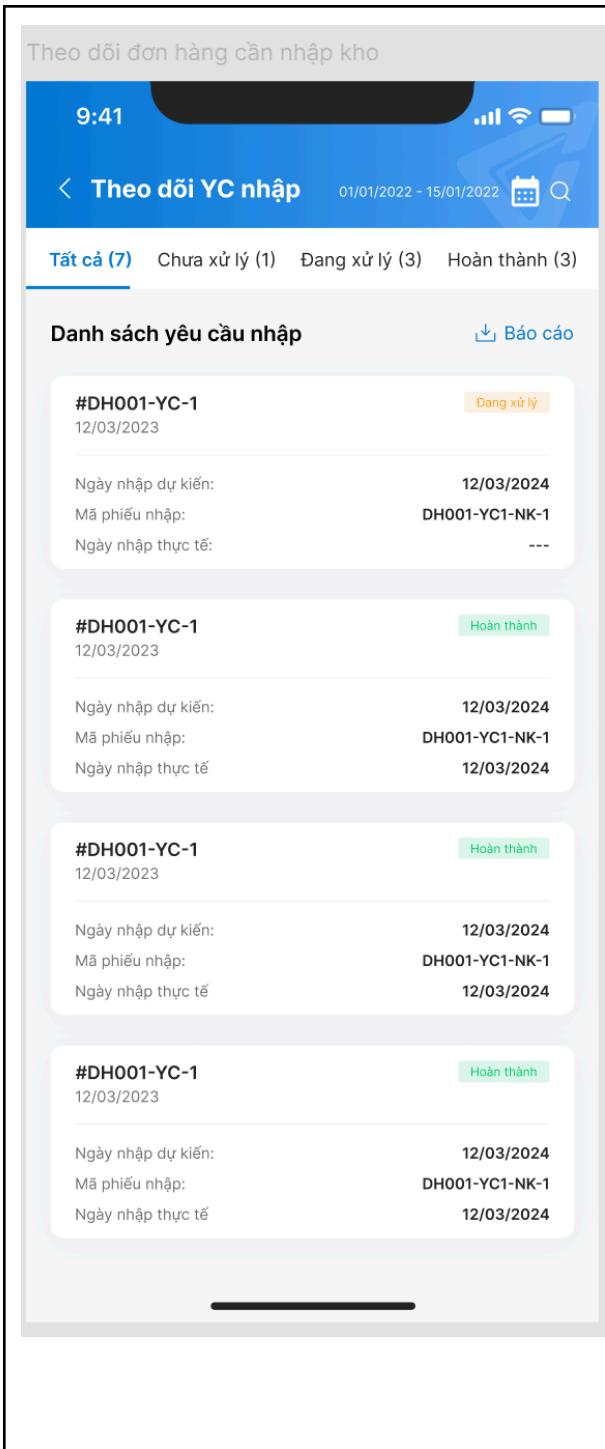
Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)	
Business Rules	

4.2 Mô tả màn hình

Link figma : [DMS – Figma](#)

Theo dõi danh sách đơn hàng cần nhập kho

Chi tiết yêu cầu nhập kho



Mô tả màn hình

ST T	Tên trường	Loại contr ol	Chỉn h sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
I. Tìm kiếm						
	Tìm kiếm từ khóa	Textb ox (maxl ength 50)				<p>Tìm kiếm theo từ khóa : maxlength 50 ký tự, cho phép nhập chữ số khoảng trắng, hiển thị placeholder “Nhập từ khóa”</p> <p>Tìm kiếm tương đối các trường thông tin : Mã yêu cầu nhập</p>
	Tab trạng thái					<p>Hiển thị trạng thái của yêu cầu nhập map theo phiếu nhập :</p> <ol style="list-style-type: none"> Chưa xử lý : Hiển thị danh sách yêu cầu nhập map với phiếu nhập trạng thái chờ xử lý Đang xử lý : Hiển thị danh sách yêu cầu nhập map với phiếu nhập trạng thái đang xử lý, chờ ký Hoàn thành : Hiển thị danh sách yêu cầu nhập map với phiếu nhập trạng thái hoàn thành
II. Thông tin yêu cầu nhập						
	Mã yêu cầu nhập					<p>Hiển thị mã yêu cầu nhập theo định dạng : [Mã đơn hàng]-YC-STT</p>

	Trạng thái					<p>Hiển thị trạng thái của yêu cầu nhập map theo phiếu xuất :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chưa xử lý : Hiển thị danh sách yêu cầu nhập map với phiếu nhập trạng thái chờ xử lý 2. Đang xử lý : Hiển thị danh sách yêu cầu nhập map với phiếu nhập trạng thái đang xử lý, chờ ký 3. Hoàn thành : Hiển thị danh sách yêu cầu nhập map với phiếu nhập trạng thái hoàn thành
	Ngày nhập dự kiến					Là ngày dự kiến nhập mà nhân viên kinh doanh nhập từ yêu cầu đơn hàng trong phân hệ đơn hàng. Hiển thị thời gian theo định dạng dd/mm/yyyy.
	Mã phiếu nhập					Hiển thị thông tin mã phiếu nhập được sinh tự động map 1,1 với mã yêu cầu nhập
	Ngày nhập thực tế					Là ngày thực tế nhập mà nhân viên kho nhập từ màn update phiếu nhập kho. Hiển thị thời gian theo định dạng dd/mm/yyyy.

4.3 Checklist

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

4.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

Xuất kho

5. Thêm mới phiếu xuất kho

5.1 Mô tả chung

Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi muốn thêm mới phiếu xuất thủ công, để thực hiện tạo yêu cầu nhập cho kho thành phẩm</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Quản lý kho, nhân viên kho,..</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Quản lý kho, nhân viên kho,..</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Trang chủ > Kho hàng > Nhập kho > Danh sách phiếu nhập > Thêm mới</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin kho, thông tin tồn kho</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin phiếu nhập kho</i>

Actor chính	
Mô tả	
Trigger	
Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)	

Dòng sự kiện chính (Main Flow)	
Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)	
Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)	
Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)	
Business Rules	

5.2 Mô tả màn hình

Link figma :[DMS – Figma](#)

Mô tả màn hình :

	Tạo phiếu xuất manual - chưa chọn kho	Tạo phiếu xuất manual - đã chọn kho - config quản lý vị trí kho	Click + tăng số lượng - trường hợp vượt quá định mức vật lý	Option 2 - cảnh báo xuất quá định mức cảnh báo tối thiểu
--	---	--	--	--

	<p>Tạo phiếu xuất manual - chưa chọn k...</p> <p>Kho xuất hàng Chọn kho</p> <p>Phương pháp lưu trữ N/A</p> <p>Loại hoạt động * Chọn loại hoạt động</p> <p>+ Thêm sản phẩm</p> <p>Số mặt hàng Tổng số lượng yêu cầu</p> <p>Ghi chú Ngày dự kiến xuất hàng</p> <p>Hủy Thêm mới</p>	<p>Tạo phiếu xuất manual - đã chọn kho</p> <p>Kho xuất hàng Kho thành phẩm 1 Apodio</p> <p>Phương pháp lưu trữ Lưu trữ hàng hóa 2 bước</p> <p>Loại hoạt động * Phiếu xuất kho (1/2)</p> <p>Vị trí nguồn KHOTP1/Stock</p> <p>Vị trí đích KHOTP1/Quanlity</p> <p>+ Thêm sản phẩm</p> <p>A36284 Gạch nhám đen Apodio Hộp Số mặt hàng Tổng số lượng yêu cầu</p> <p>Ghi chú</p> <p>Thông tin thêm Ghi chú Ngày dự kiến xuất hàng</p> <p>Hủy Thêm mới</p>	<p>Update phiếu xuất - quá số lượng tồn t...</p> <p>Kho xuất hàng Kho thành phẩm 1 Apodio</p> <p>Phương pháp lưu trữ Lưu trữ hàng hóa 2 bước</p> <p>Loại hoạt động * Phiếu xuất kho (1/2)</p> <p>Vị trí nguồn KHOTP1/Vendor</p> <p>Vị trí đích KHOTP1/Stock</p> <p>+ Thêm sản phẩm</p> <p>A36284 Gạch nhám đen Apodio Hộp Số mặt hàng Tổng số lượng yêu cầu</p> <p>Ghi chú</p> <p>Thông tin thêm Ghi chú Ngày dự kiến xuất hàng</p> <p>Hủy Thêm mới</p>	<p>Cảnh báo : Số lượng sản phẩm xuất kho đang vượt quá số lượng tối thiểu theo định mức cảnh báo.</p> <p>Phương pháp lưu trữ Lưu trữ hàng hóa 2 bước</p> <p>Loại hoạt động * Phiếu xuất kho (1/2)</p> <p>Vị trí nguồn KHOTP1/Vendor</p> <p>Vị trí đích KHOTP1/Stock</p> <p>+ Thêm sản phẩm</p> <p>A36284 Gạch nhám đen Apodio Hộp Số mặt hàng Tổng số lượng yêu cầu</p> <p>Ghi chú</p> <p>Thông tin thêm Ghi chú Ngày dự kiến xuất hàng</p> <p>Hủy Thêm mới</p>
	Link figma : DMS – Figma	Link figma : DMS – Figma	Link figma : DMS – Figma	Link figma : DMS – Figma

ST T	Tên trường	Loại contr ol	Chỉn h sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả

	Kho xuất (*)	<u>Single choice</u> <u>dropd own</u> <u>list</u>			Là kho để xuất hàng hóa (bắt buộc). Droplist danh sách kho thành phẩm còn tồn trong kho (kể cả kho đã lưu trữ)
	Phương pháp lưu trữ				Hiển thị phương pháp xuất lưu trữ từ màn tạo mới kho theo phương pháp 1,2,3 bước
	Loại hoạt động (*)	<u>Single choice</u> <u>dropd own</u> <u>list</u>			Trả mặc định loại hoạt động xuất theo phương pháp lưu trữ + Picking type phương pháp lưu trữ
	Vị trí nguồn				Hiển thị vị trí nguồn theo loại hoạt động vừa chọn
	Vị trí đích	<u>Single choice</u> <u>dropd own</u> <u>list</u>			Hiển thị vị trí nguồn theo loại hoạt động vừa chọn. 3. Trường hợp chọn lại vị trí : được phép chọn tất cả các vị trí là vị trí nguồn ở màn loại hoạt động => show list vị trí đích map với vị trí đích ở màn loại hoạt động. Sau khi chọn vị trí, loại hoạt động được update lại theo vị trí nguồn đích đã chọn 4. Ngoài ra cần check cấu hình có được phép skip hay không show

						ra các loại hoạt động k skip theo kho  Picking type phương pháp ...
	Thêm sản phẩm	<u>Button</u>				<p>Line 1 : Hiển thị Mã + tên sản phẩm (theo biển thẻ) trên cùng 1 line (tối đa 50 ký tự)</p> <p>Line 2 : Hiển thị tồn kho + đơn vị tính (đơn vị lưu kho) của sản phẩm</p> <p>1. Click button Thêm sản phẩm hiển thị danh sách tất cả sản phẩm check theo kho đã chọn được phép áp dụng</p> <p>2. Chi tiết mô tả chọn sản phẩm xuất hàng : <u>Xem chi tiết</u></p> <p>3. Button +- sản phẩm : được phép tăng giảm số lượng tại màn thêm mới phiếu nhập</p> <p>3.1 Validate đỏ : “SL được phép nhập tối đa : ...” trong trường hợp có cấu hình định mức lưu trữ vật lý và không được submit</p> <p>3.2 Validate vàng : hiển thị label cảnh báo “Cảnh báo : Số lượng sản phẩm xuất kho đang vượt quá số lượng tối thiểu theo định mức cảnh báo.” trong trường hợp có cấu hình cảnh báo tồn kho</p>
	Số mặt hàng					Hiển thị số mã hàng đã chọn bên trên
	Tổng số lượng yêu cầu					Hiển thị tổng số lượng = tổng số lượng yêu cầu của tất cả các mã hàng yêu cầu
Thông tin thêm						
	Ghi chú					<p>Click button hiển thị textbox gồm :</p> <p>-Nhập nội dung ghi chú. Tối đa 250 ký tự.</p>

					<p>-Upload ảnh : Cho phép upload tối đa 5 ảnh (5MB)</p> <p>Link figma demo chọn ghi chú : DMS – Figma</p> 
	Ngày mong muốn xuất hàng	<u>Button</u>			<p>Click button, hiển thị calendar chọn ngày khách hàng mong muốn xuất hàng.</p> <p>Validate : Ngày hiện tại <= Ngày mong muốn nhập hàng</p>
	Thêm mới	<u>Button</u>			<p>Check thông tin input,..</p> <p>Sau khi submit thành công, phiếu xuất kho hiển thị tại màn danh sách phiếu nhập với trạng thái Chưa xử lý.</p> <p>Mã phiếu xuất tự động sinh theo định dạng PXKTC-STT</p>

5.3 Checklist

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•

STT	Checklist	Mô tả	
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

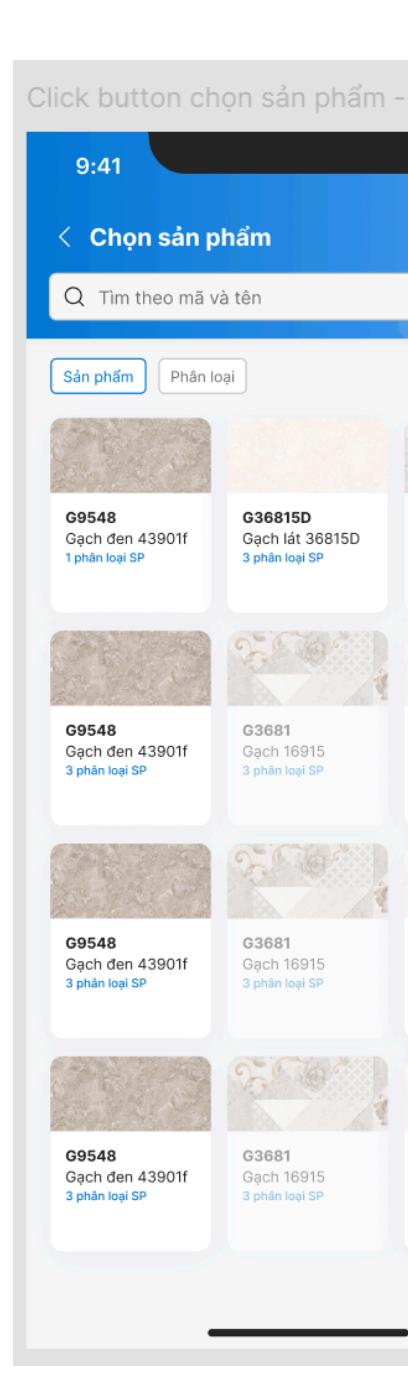
5.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

						5.
<hr/>						

5.1.1 Thêm sản phẩm xuất kho

Click button thêm sản phẩm - chiều sản phẩm mẫu	Chọn 1 sản phẩm có biến thể thêm vào giỏ- vượt quá tồn	Click button chọn sản phẩm - chiều biến thể (phân loại của sản phẩm)
---	--	--

<p>Click button chọn sản phẩm -</p> 	<p>Chọn 1 sản phẩm có biến thể- thêm vào giỏ- vượt ...</p> <p>9:41</p> <p>< A98347/Chọn biến thể</p> <p>Thông tin chung Xem phối cảnh 3D</p> <p>Mã sản phẩm A98347</p> <p>Tên sản phẩm Gạch đèn 329</p> <p>Đã chọn 2</p> <p>4 phân loại sản phẩm Xem chi tiết</p> <p>Gạch nhám đèn - 30+30 - Nhám - Loại 1</p> <p>Số lượng: — 0 + Hộp Tồn: 20 hộp</p> <p>Gạch nhám đèn - 30+30 - Nhám - Loại 1</p> <p>Số lượng: — 0 + Hộp Tồn: 20 hộp</p> <p>Gạch nhám đèn - 30+30 - Nhám - Loại 1</p> <p>Số lượng: — 20 + Hộp Tồn: 20 hộp SL xuất không được vượt quá số lượng tồn trong kho</p> <p>Gạch nhám đèn - 30+30 - Nhám - Loại 1</p> <p>Số lượng: — 20 + Hộp Tồn: 50 hộp</p> <p>Thêm sản phẩm</p>	<p>Click button chọn sản phẩm - chiều biến thể (phản ...</p> <p>9:41</p> <p>< Chọn sản phẩm</p> <p>Tìm theo mã và tên</p> <p>Sản phẩm Phân loại Danh mục</p> <p>G9548 Gạch đèn 43901f Tồn: 20 hộp + G9548 Gạch lát 36815D Tồn: 20 hộp - 20 + SL xuất vượt quá St. tồn trong kho</p> <p>G9548 Gạch đèn 43901f Tồn: 20 hộp + G1942 Gạch lát 36815D Tồn: 20 hộp</p> <p>G9548 Gạch đèn 43901f Tồn: 20 hộp + G1942 Gạch lát 36815D Tồn: 20 hộp - 1 +</p> <p>G9548 Gạch đèn 43901f Tồn: 20 hộp + G1942 Gạch lát 36815D Tồn: 20 hộp - 1 +</p>
<p>Link figma : DMS – Figma</p>	<p>Link figma : DMS – Figma</p>	<p>Link figma : DMS – Figma</p>

2.1.2 Màn hình

Đường dẫn : Tại màn thêm mới phiếu xuất , click button thêm sản phẩm => Hiển thị màn chọn sản phẩm xuất kho

ST T	Tên trường	Loại control	Bắt buộc	Mô tả
	Sắp xếp			<p>Click button để cấu hình sắp xếp cho sản phẩm</p> <p>Cho phép sắp xếp theo</p> <p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời gian tạo mới nhất • Thời gian tạo cũ nhất <p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> • Theo tên từ A đến Z • Theo tên từ Z đến A <p>3</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trạng thái có thẻ mua • Trạng thái có thẻ bán <p>4</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá từ cao đến thấp • Giá từ thấp đến cao <p>Cho phép kết hợp nhiều điều kiện lọc trong mục 1-2-3-4 mỗi option trong mục 1-2-3-4 chỉ được phép chọn 1 trong các điều kiện</p>
	Icon layout			Click button để đổi layout chọn, có 2 layout chọn theo dạng list 1 sản phẩm 1 dòng và dạng lưới 3 sản phẩm 1 dòng
	Tìm kiếm	<u>Button</u>		Click button để tìm kiếm chi tiết sản phẩm,

				Cho phép tìm kiếm tương đối theo mã và tên sản phẩm
	Sản phẩm	<u>Button</u>		Mặc định chọn, khi chọn thì hiển thị danh sách product_template trên hệ thống danh sách hiển thị dạng layout người dùng chọn
	Phân loại	<u>Button</u>		Click button hiển thị danh sách product(biến thể) trên hệ thống Danh sách hiển thị dạng layout người dùng chọn Thứ tự biến thể hiển thị lần lượt theo thứ tự sản phẩm mẫu Trường hợp có chọn sắp xếp theo thời gian tạo thì hiển thị thứ tự theo thời gian tạo product_template của biến thể
	Danh mục	<u>Single choice dropdown list</u>		Click chọn hiển thị danh sách danh mục trên hệ thống Trường hợp chọn danh mục thì search hiển thị các sản phẩm theo danh mục được chọn Trường hợp có đổi sang tab phân loại khi đã filter theo danh mục thì danh sách sản phẩm biến thể cũng được load lại search theo danh mục được chọn
	Thông tin sản phẩm	<u>Button</u>		1. Hiển thị tất cả sản phẩm có type là Thành phẩm bán hàng gồm các thông tin : -Mã

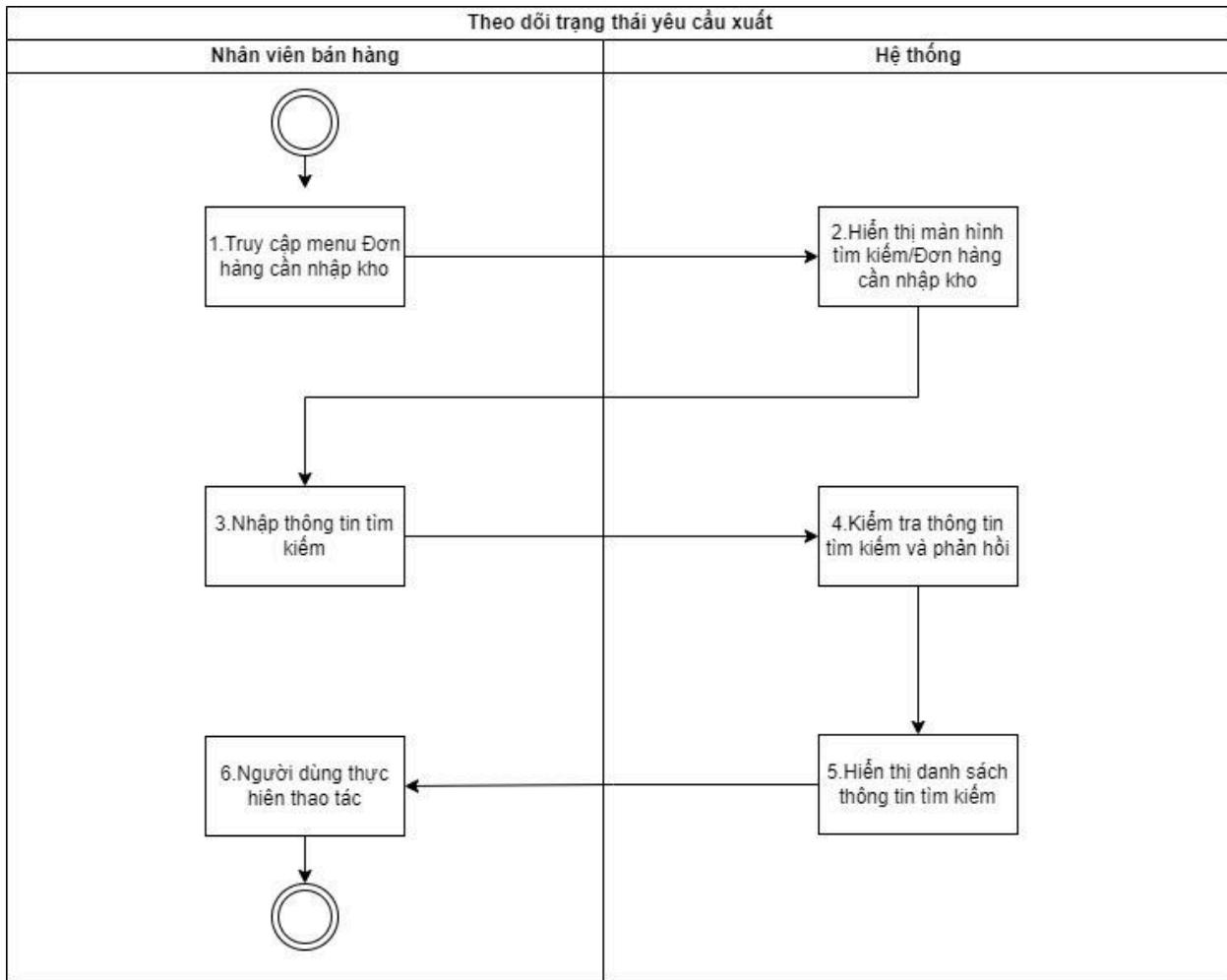
				<p>-Tên</p> <p>-Số lượng biến thể của sản phẩm(Trường hợp không có biến thể thì ko hiển thị line này)</p> <p>-Radio button :Click để chọn sản phẩm (không có biến thể) muốn thêm vào giỏ hàng. Trường hợp sản phẩm có biến thể => disable radio button, bắt buộc đi vào màn danh sách các biến thể để thêm sản phẩm vào giỏ hàng.</p> <p>Màn hình demo trường hợp chọn sản phẩm, link figma : DMS – Figma</p> <p>2.Click box thông tin sản phẩm để :</p> <p>2.1 Click box hiển thị màn chi tiết thông tin sản phẩm (với sản phẩm không có biến thể): Xem chi tiết</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p> <p>2.2 Click box hiển thị màn danh sách các biến thể (với sản phẩm có biến thể) : Xem chi tiết</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p>
	Giỏ hàng	Single choice dropdown list		<p>Hiển thị thông tin sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng, bao gồm các thông tin :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng mặt hàng đã thêm vào giỏ -Button tiếp tục : Click button điều hướng sang màn thêm mới đơn hàng và hiển thị danh sách các mặt hàng + số lượng đã chọn

6. Cập nhật phiếu xuất kho

Link figma : [DMS – Figma](#)

Mô tả màn hình :

7. Theo dõi yêu cầu xuất kho



7.1 Mô tả chung

Mục đích	[APP] Là nhân viên kho, tôi muốn theo dõi danh sách yêu cầu xuất từ các nguồn đơn, để nắm bắt tình hình xuất kho thành phẩm
Đối tượng sử dụng	Quản lý kho, nhân viên kho,..
Đối tượng ảnh hưởng	Quản lý kho, nhân viên kho,..
Kênh áp dụng	App

Đường dẫn chức năng	<i>Trang chủ > Kho hàng > Xuất kho > Danh sách yêu cầu xuất</i>
Dữ liệu đầu vào	
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin yêu cầu xuất</i>

Actor chính	
Mô tả	
Trigger	
Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)	
Dòng sự kiện chính (Main Flow)	
Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)	
Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)	

Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)	
Business Rules	

7.2 Mô tả màn hình

Link figma :[DMS – Figma](#)

Theo dõi danh sách đơn hàng cần xuất kho	Chi tiết yêu cầu xuất kho
--	---------------------------

Theo dõi đơn hàng cần xuất kho

9:41 18/01/2022 - 19/01/2022

Tất cả (7) Chưa xử lý (1) Đang xử lý (3) Hoàn thành (3)

Danh sách yêu cầu xuất

#DH001-YC-1 12/03/2023

Ngày xuất dự kiến: 12/03/2024
Mã phiếu xuất: DH001-YC1-NK-1
Ngày xuất thực tế: 12/03/2024

#DH001-YC-1 12/03/2023

Ngày xuất dự kiến: 12/03/2024
Mã phiếu xuất: DH001-YC1-NK-1
Ngày xuất thực tế: 12/03/2024

Xem theo chiều phân loại chi tiết

9:41

DH001-YC-1

#DH001-YC-1 12/03/2023

Kho xuất hàng
Kho thành phẩm 1 Apodio

Sản phẩm yêu cầu xuất kho

Gạch 1566CB502 60x60 - Hộp
SL: 1 hộp

Gạch 1566CB503 60x60 - Hộp
SL: 9 hộp

Số mặt hàng: 2
Tổng số lượng yêu cầu: 10
Ngày mong muốn nhập hàng: 12/03/2024

Mô tả màn hình

ST T	Tên trường	Loại contr ol	Chỉn h sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
I. Tìm kiếm						
	Tìm kiếm từ khóa	Textb ox (maxl ength 50)				<p>Tìm kiếm theo từ khóa : maxlength 50 ký tự, cho phép nhập chữ số khoảng trắng, hiển thị placeholder “Nhập từ khóa”</p> <p>Tìm kiếm tương đối các trường thông tin : Mã yêu cầu xuất</p>
	Tab trạng thái					<p>Hiển thị trạng thái của yêu cầu xuất map theo phiếu xuất :</p> <ul style="list-style-type: none"> 4. Chưa xử lý : Hiển thị danh sách yêu cầu xuất map với phiếu xuất trạng thái chờ xử lý 5. Đang xử lý : Hiển thị danh sách yêu cầu xuất map với phiếu xuất trạng thái đang xử lý, chờ ký 6. Hoàn thành : Hiển thị danh sách yêu cầu xuất map với phiếu xuất trạng thái hoàn thành
II. Thông tin yêu cầu xuất						
	Mã yêu cầu xuất					Hiển thị mã yêu cầu xuất theo định dạng : [Mã đơn hàng]-YC-STT

	Trạng thái					<p>Hiển thị trạng thái của yêu cầu xuất map theo phiếu xuất :</p> <ul style="list-style-type: none"> 4. Chưa xử lý : Hiển thị danh sách yêu cầu xuất map với phiếu xuất trạng thái chờ xử lý 5. Đang xử lý : Hiển thị danh sách yêu cầu xuất map với phiếu xuất trạng thái đang xử lý, chờ ký 6. Hoàn thành : Hiển thị danh sách yêu cầu xuất map với phiếu xuất trạng thái hoàn thành
	Ngày xuất dự kiến					Là ngày dự kiến xuất mà nhân viên kinh doanh nhập từ yêu cầu đơn hàng trong phân hệ đơn hàng. Hiển thị thời gian theo định dạng dd/mm/yyyy.
	Mã phiếu xuất					Hiển thị thông tin mã phiếu xuất được sinh tự động map 1,1 với mã yêu cầu xuất
	Ngày xuất thực tế					Là ngày thực tế xuất mà nhân viên kho nhập từ màn update phiếu xuất kho. Hiển thị thời gian theo định dạng dd/mm/yyyy.

7.3 Checklist

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

7.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

Tồn kho

8. Tồn kho (theo kho)

8.1 Mô tả chung

Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi muốn xem danh sách kho tồn và số lượng của từng kho bán hàng, để nắm bắt tổng quan tồn kho sản phẩm có thể bán</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Nhân viên kho</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Nhân viên kho</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Tồn kho (theo sp)</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin sản phẩm, thông tin kho,...</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin tồn theo kho thành phẩm</i>

Actor chính	
Mô tả	
Trigger	
Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)	

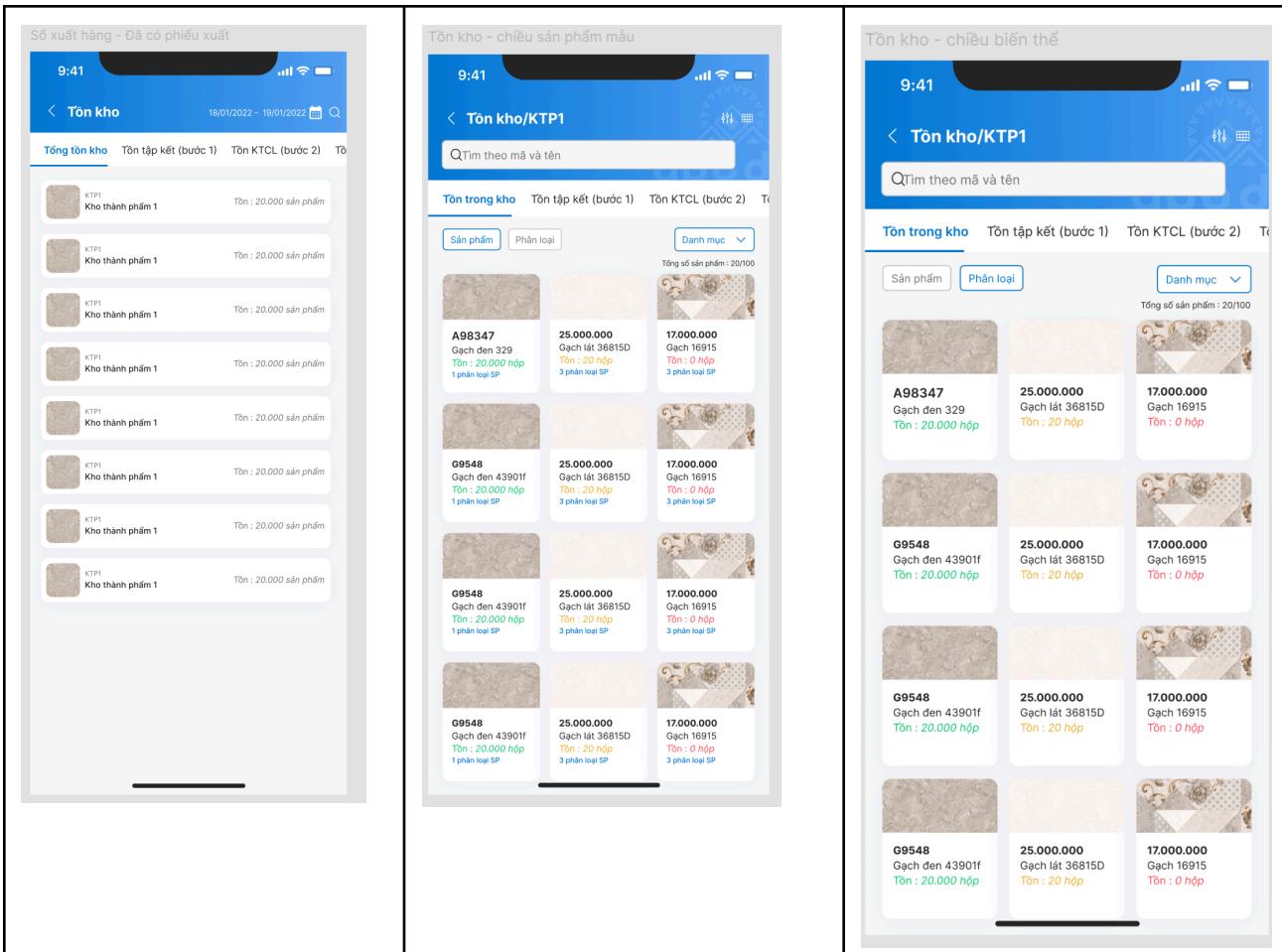
Dòng sự kiện chính (Main Flow)	
Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)	
Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)	
Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)	
Business Rules	

8.2 Mô tả màn hình

Link figma : [DMS – Figma](#)

Mô tả màn hình

Bước 1 : Danh sách kho tồn	Bước 2.1 : Tồn trong 1 kho - chiều sản phẩm mẫu	Bước 2.2 : Tồn trong 1 kho - chiều biến thể
----------------------------	--	--



Mô tả màn hình :

1. Gồm 4 Tab, tồn theo từng tab sẽ khác nhau :
 - 1.1 Tổng tồn kho : Hiển thị tồn trong 1 kho của tất cả 3 bước (tổng tồn bước 1 + bước 2 + bước 3)
 - 1.2 : Tồn bước 1 : Hiển thị tồn trong 1 kho của bước 1 (bao gồm cả kho đã lưu trữ nhưng còn tồn)
 - 1.3 : Tồn bước 2 : Hiển thị tồn trong 1 kho của bước 2 với những kho có nhập hoặc xuất (hoặc cả 2)

Mô tả màn hình : Click vào 1 bản ghi kho từ bước 1 mặc định đi vào tab sản phẩm mẫu :

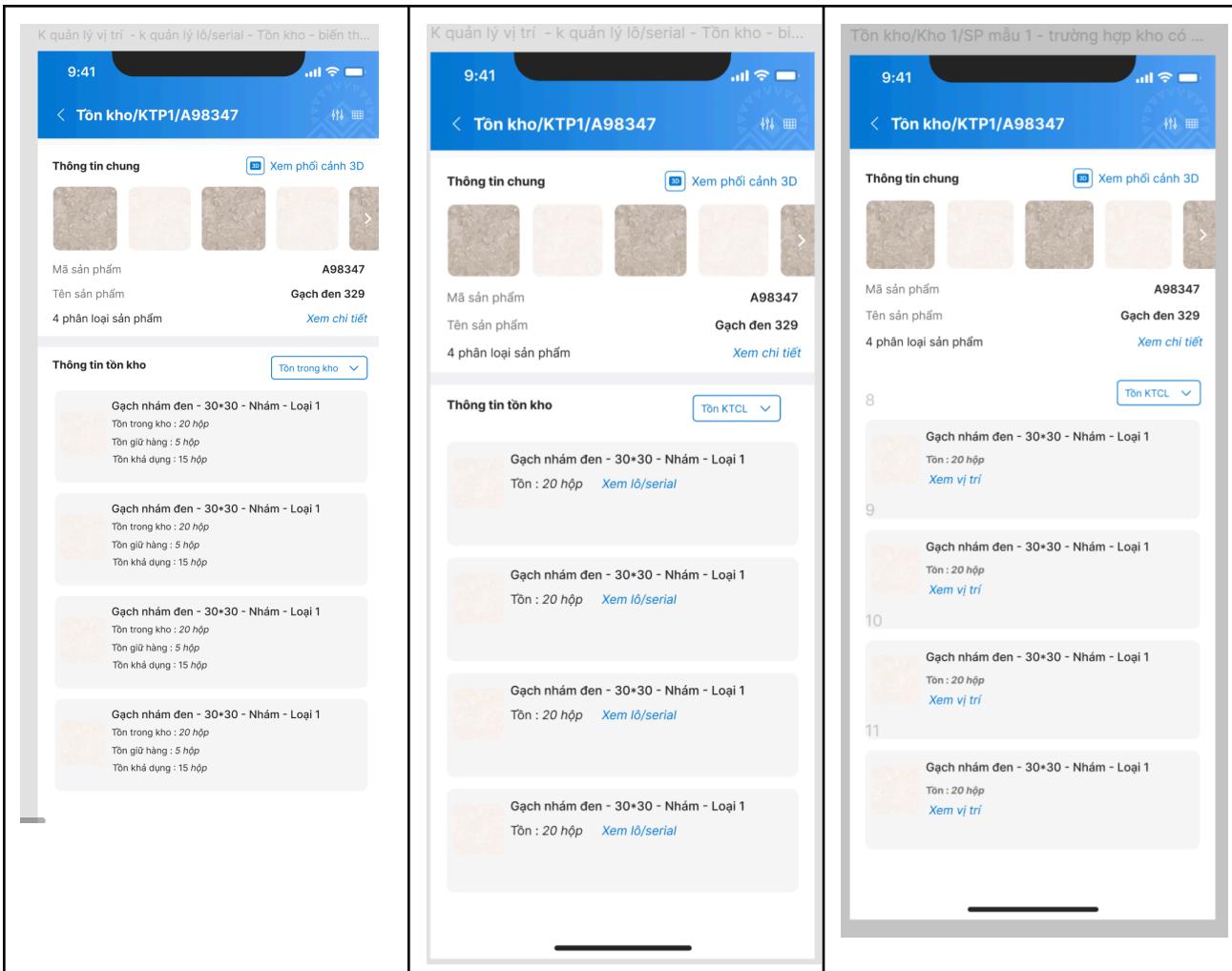
1. Hiển thị thông tin tất cả sản phẩm mẫu (có ít nhất 1 biến thể đã từng nhập kho) + trả số lượng tồn của sản phẩm tại kho đó
2. Tồn : Tại màn sản phẩm mẫu hiển thị tổng tồn của tất cả các phân loại của sản phẩm mẫu trong kho đang đứng. Màu sắc của tồn kho lấy theo cấu hình màu cảnh báo trên cms. Trường hợp không cấu hình màu thì mặc định lấy theo font chữ mặc định của hệ thống

Mô tả màn hình : Click vào 1 bản ghi kho từ bước 1 / Click vào tab phân loại :

1. Hiển thị thông tin tất cả biến thể đã từng nhập kho + trả số lượng tồn của sản phẩm tại kho đó
2. Tồn : Tồn của biến thể trong kho đang đứng. Màu sắc của tồn kho lấy theo cấu hình màu cảnh báo trên cms. Trường hợp không cấu hình màu thì mặc định lấy theo font chữ mặc định của hệ thống

<p>có phương pháp lưu trữ $>= 2$ (bao gồm cả kho đã lưu trữ nhưng còn tồn)</p> <p>1.4 : Tồn bước 3 : Hiển thị tồn trong 1 kho của bước 3 với những kho có nhập hoặc xuất (hoặc cả 2) có phương pháp lưu trữ $>= 3$ (bao gồm cả kho đã lưu trữ nhưng còn tồn)</p> <p>2. Tồn kho (từng bản ghi kho) : Hiển thị tổng của tất cả các mã hàng có trong kho tương ứng với từng tab bước 1, 2, 3, tổng tồn</p>	<p>3. form chữ mặc định của hệ thống</p> <p>3. Số lượng phân loại : Trả ra số lượng biến thể của sản phẩm mẫu</p>	
---	---	--

<p>Bước 2.1.1 : Trường hợp 1 : K quản lý vị trí - k quản lý lô/serial - Tồn kho - biến thể của sản phẩm mẫu</p> <p>Đường dẫn : từ Bước 2.1 > click box sản phẩm mẫu</p>	<p>Bước 2.1.1 : Trường hợp 2 : K quản lý vị trí - có quản lý lô/serial - Tồn kho - biến thể của sản phẩm mẫu -</p> <p>Đường dẫn : từ Bước 2.1 > click box sản phẩm mẫu</p>	<p>Bước 2.1.1 : Trường hợp 3 : Tồn kho/Kho 1/SP mẫu 1 - trường hợp kho có quản lý vị trí</p>
--	---	--



Mô tả màn hình :

1. Thông tin chung :
Thông tin của sản phẩm mẫu
2. Thông tin tồn kho :
2.1 : Hiển thị thông tin tồn kho của biến từng biến thể theo lọc tồn 1,2,3 bước,..
2.2 : Trường hợp lọc tồn trong kho (tồn stock) hiển thị thông tin tồn kho gồm :
+ Tồn trong kho : tồn thực tế trong kho
+ Tồn giữ hàng : Tổng số lượng đặt hàng của biến thể tại tất cả các

Mô tả màn hình :

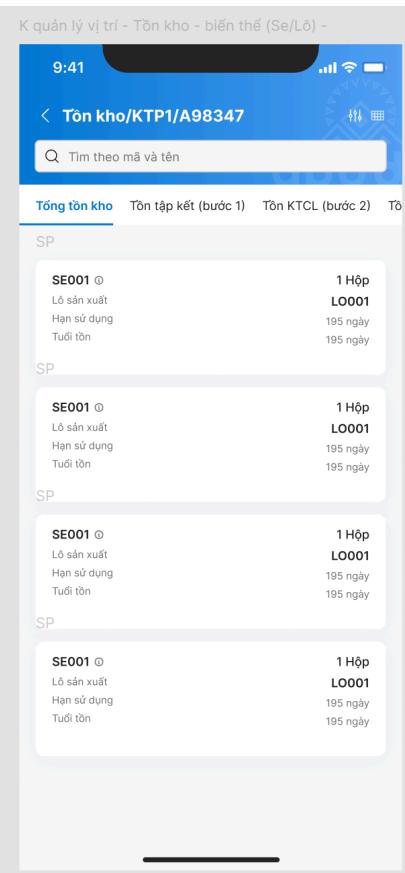
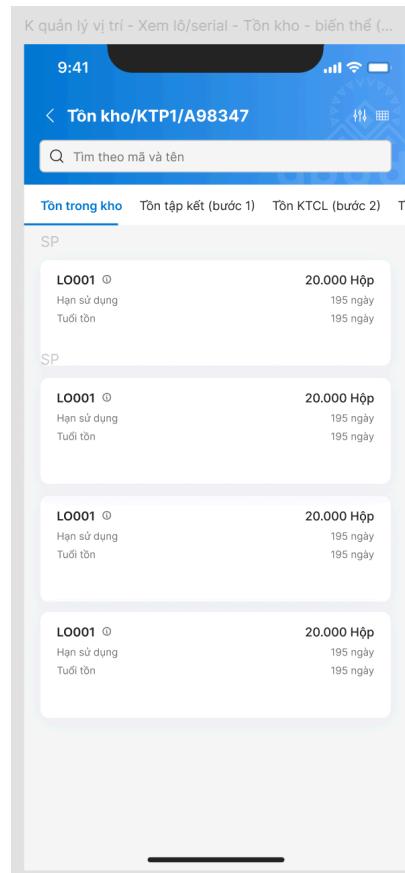
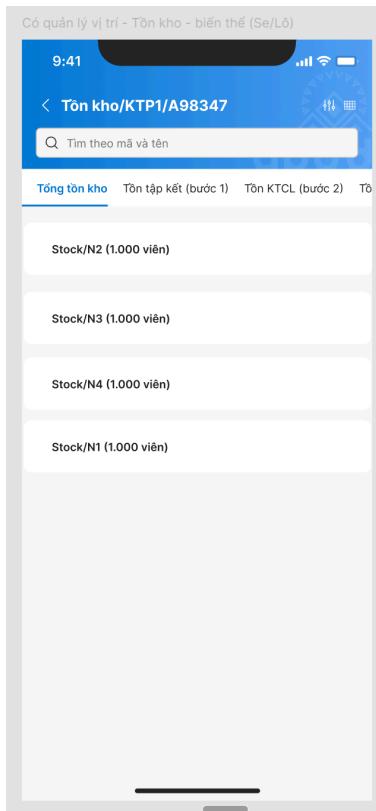
Trường hợp sản phẩm theo dõi theo lô, serial hoặc lô/serial hiển thị thêm textlink Xem lô/serial
Click Xem lô/serial => điều hướng sang màn Bước 3 (Bước 3.1, 3.2, 3.3)

Mô tả màn hình :

Trường hợp sản phẩm theo dõi theo lô, serial hoặc lô/serial hiển thị thêm textlink Xem vị trí
Click Xem vị trí => điều hướng sang màn Bước 3.1

yêu cầu xuất chưa hoàn thành của đơn đặt hàng +Tòn khả dụng = Tòn trong kho - Tồn giữ hàng		
---	--	--

Bước 3.1 : Danh sách vị trí tồn kho của biển thể Đường dẫn : Từ màn Bước 2.1.1 > Click xem vị trí	Bước 3.2 : Danh sách lô, serial, lô/serial của sản phẩm chi tiết trong vị trí/trong 1 kho Đường dẫn : TH1: Từ màn bước 2.1.1 > Click xem lô/serial (với kho không quản lý vị trí) Th2 : Từ màn bước 3.1 > Click vào box vị trí bất kì của kho (với kho có quản lý vị trí)
---	--



Mô tả màn hình : 1. Hiển thị tất cả các vị trí của loại vị trí cha tại tab đang đứng 2. Hiển thị số lượng tồn kho của sản phẩm tại	Mô tả màn hình : 1. Lô : Hiển thị số lô+ số lượng của biển thể 2. Serial : Hiển thị thông tin serial nếu sp theo dõi theo serial 3. Hạn sử dụng : Hiển thị số ngày còn hạn sử dụng 4. Tuổi tồn : Hiển thị số ngày tồn kho. Tính bằng ngày hiện tại - ngày nhập kho.
--	---

đúng vị trí đang đứng	Click vào từng bản ghi hiển thị popup thông tin chi tiết hạn sử dụng, tuổi tồn của sản phẩm. Link figma : DMS – Figma
-----------------------	---

8.3 Checklist

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

8.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

9. Tồn kho (theo sản phẩm)

9.1 Mô tả chung

Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi muốn xem danh sách kho tồn và số lượng của từng sản phẩm hoặc danh mục sản phẩm, để nắm bắt tổng quan tồn kho sản phẩm trong hệ thống kho thành phẩm</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Nhân viên kho</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Nhân viên kho</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Tồn kho (theo sp)</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin sản phẩm, thông tin kho,...</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin tồn theo sản phẩm, Thông tin tồn theo danh mục sản phẩm</i>

Actor chính	
Mô tả	
Trigger	

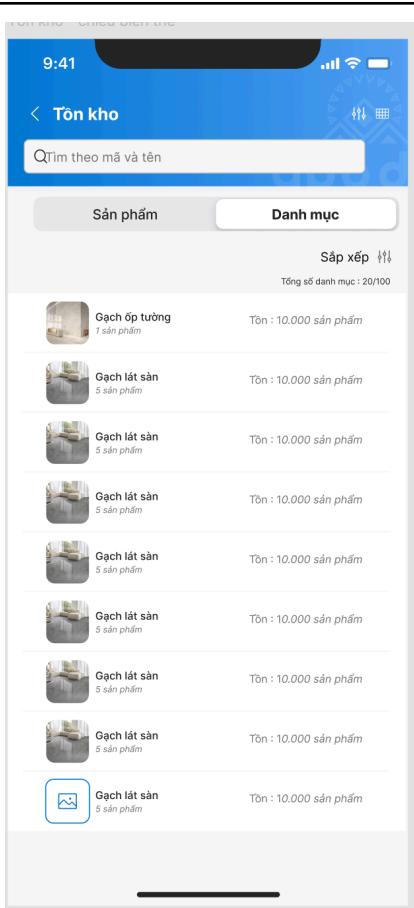
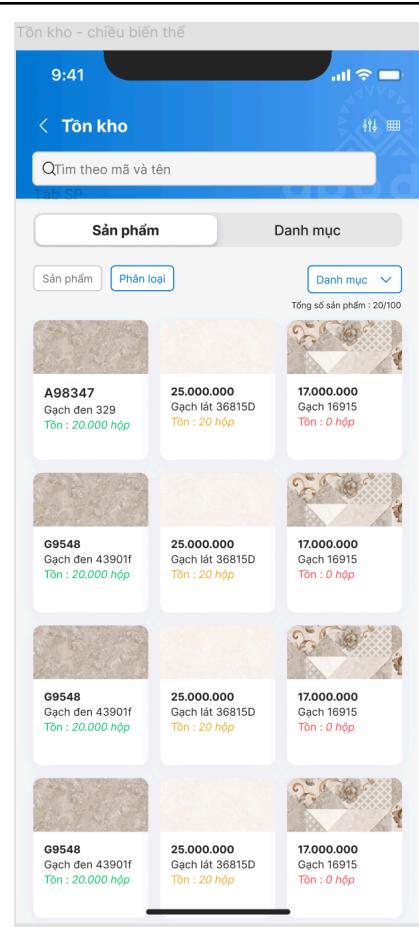
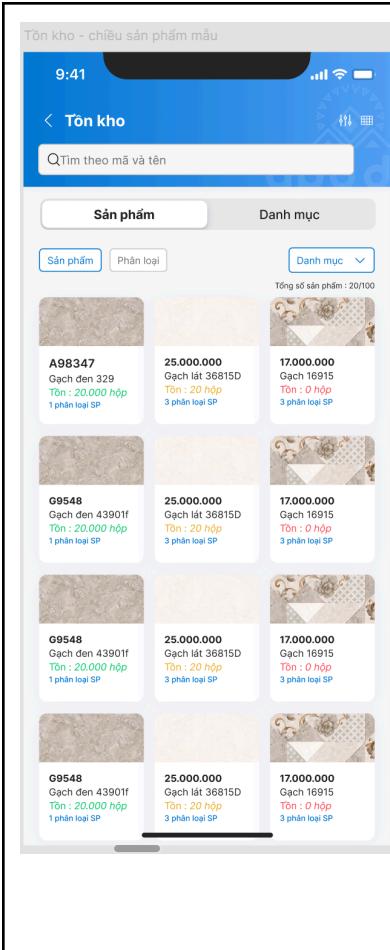
Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)	
Dòng sự kiện chính (Main Flow)	
Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)	
Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)	
Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)	
Business Rules	

9.2 Mô tả màn hình

Link figma : [DMS – Figma](#)

Mô tả màn hình

Bước 1.1 : Tồn kho chiểu sản phẩm mẫu Đường dẫn : Dashboard kho > Click icon Tồn kho theo sp > Tab Sản phẩm > Tab Sản phẩm mẫu	Bước 1.2 : Tồn kho chiểu sản phẩm - biến thể sản phẩm Đường dẫn : Dashboard kho > Click icon Tồn kho theo sp > Tab Sản phẩm > Tab phân loại (biến thể)	Bước 1.3 : Tồn kho chiểu danh mục sản phẩm Đường dẫn : Dashboard kho > Click icon Tồn kho theo sp > Tab Danh mục
---	---	---



Mô tả màn hình :

1. Đường dẫn : Dashboard kho > Click icon Tồn kho theo sp > Tab Sản phẩm > Tab Sản phẩm mẫu
 2. Hiển thị thông tin tất cả sản phẩm mẫu (có ít nhất 1 biến thể đã từng nhập kho) + trả số lượng tồn của sản phẩm tại tất cả các kho
 3. Tồn : Tại màn sản phẩm mẫu hiển thị tổng tồn của tất cả các phân loại của sản phẩm mẫu trong hệ thống (tất cả các

Mô tả màn hình :

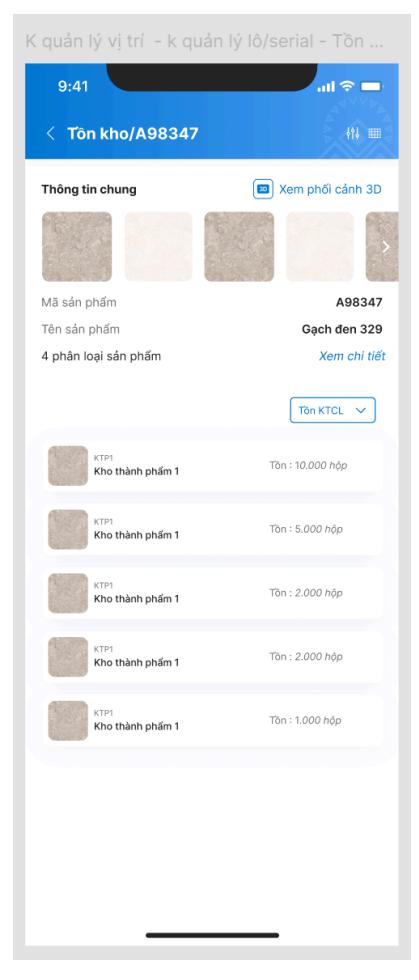
1. Đường dẫn : Dashboard kho > Click icon Tồn kho theo sp > Tab Sản phẩm > Tab phân loại (biển thể)
 5. Hiển thị thông tin tất cả biển thể (đã từng nhập kho) + trả số lượng tồn của sản phẩm tại tất cả các kho
 6. Tồn : Hiển thị tổng tồn của biển thể trong hệ thống (tất cả các kho) Màu sắc của tồn kho lấy theo cấu hình màu cảnh báo trên cms. Trường hợp không cấu hình màu thì mặc định lấy theo forn chữ mặc định của

Mô tả màn hình :

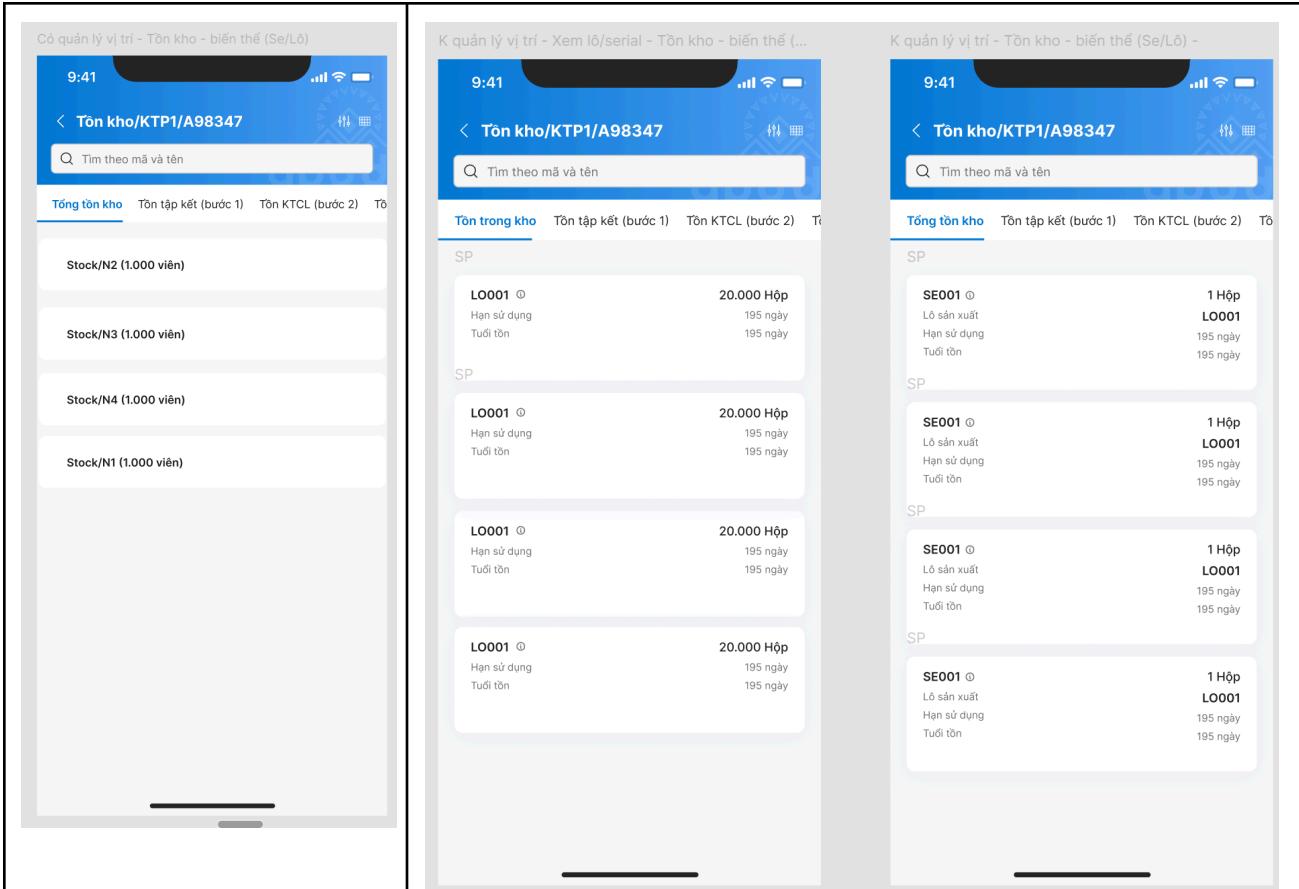
1. Đường dẫn : Dashboard kho > Click icon Tồn kho theo sp > Tab Danh mục
 2. Hiển thị thông tin tất cả danh mục + số lượng biến thể của danh mục có chứa sản phẩm đã từng nhập vào kho trong hệ thống
 3. Tồn : Tính tổng tồn tất cả các biến thể của sản phẩm có trong danh mục tại tất cả các kho trong hệ thống
Màu sắc của tồn kho lấy theo cấu hình màu cảnh báo trên cms. Trường hợp không cấu hình màu

<p>kho).</p> <p>Màu sắc của tồn kho lấy theo cấu hình màu cảnh báo trên cms. Trường hợp không cấu hình màu thì mặc định lấy theo forn chữ mặc định của hệ thống</p> <p>4. Số lượng phân loại : Trả ra số lượng biến thể của sản phẩm mẫu</p>	<p>hệ thống</p>	<p>thì mặc định lấy theo forn chữ mặc định của hệ thống</p>
--	-----------------	---

Bước 1.1.1 : Sản phẩm mẫu/Chi tiết tồn theo từng biến thể		
---	--	--

		
<p>Mô tả màn hình :</p> <ol style="list-style-type: none"> Đường dẫn : Bước 1.1 > Click vào box sản phẩm mẫu Thông tin chung : Thông tin chung của sản phẩm mẫu Hiển thị danh sách tất 	<p>Mô tả màn hình :</p> <p>Trường hợp sản phẩm theo dõi theo lô, serial hoặc lô/serial hiển thị thêm textlink Xem lô/serial</p> <p>Click Xem lô/serial => điều hướng sang màn Bước 3 (Bước 3.1, 3.2, 3.3)</p>	

<p>Bước 3.1 : Danh sách vị trí tồn kho của biển thể</p> <p>Đường dẫn :</p> <p>Từ màn Bước 2.1.1 > Click xem vị trí</p>	<p>Bước 3.2 : Danh sách lô, serial, lô/serial của sản phẩm chi tiết trong vị trí/trong 1 kho</p> <p>Đường dẫn :</p> <p>TH1: Từ màn bước 2.1.1 > Click xem lô/serial (với kho không quản lý vị trí)</p> <p>Th2 : Từ màn bước 3.1 > Click vào box vị trí bất kì của kho (với kho có quản lý vị trí)</p>
---	---



Mô tả màn hình :

3. Hiển thị tất cả các vị trí của loại vị trí cha tại tab đang đứng
4. Hiển thị số lượng tồn kho của sản phẩm tại đúng vị trí đang đứng

Mô tả màn hình :

5. Lô : Hiển thị số lô+ số lượng của biển thẻ
6. Serial : Hiển thị thông tin serial nếu sp theo dõi theo serial
7. Hạn sử dụng : Hiển thị số ngày còn hạn sử dụng
8. Tuổi tồn : Hiển thị số ngày tồn kho. Tính bằng ngày hiện tại - ngày nhập kho.

Click vào từng bản ghi hiển thị popup thông tin chi tiết hạn sử dụng, tuổi tồn của sản phẩm. Link figma : [DMS – Figma](#)

9.3 Checklist

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không

STT	Checklist	Mô tả	
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

9.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

Kiểm kê

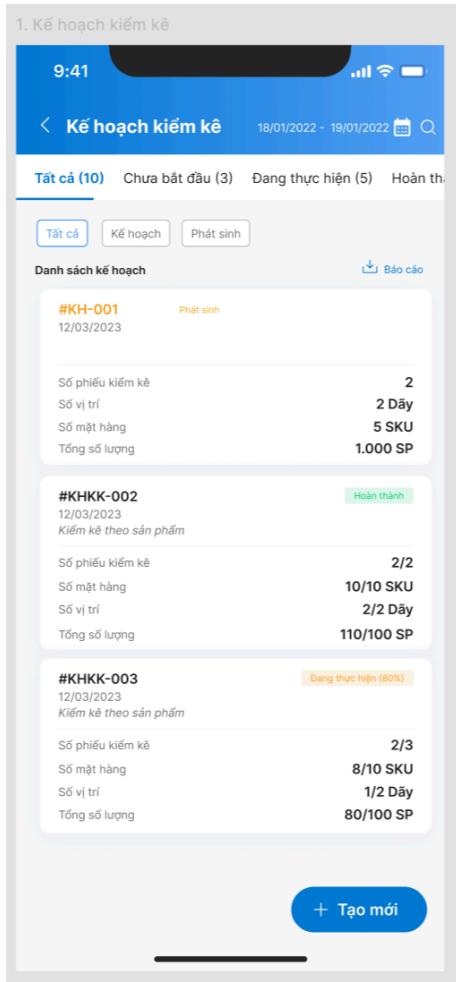
10.1 Xem danh sách kế hoạch kiểm kê

10.1.1 Mô tả chung

Mục đích	Là nhân viên kho, tôi muốn xem tất cả kế hoạch kiểm kê của mình, để theo dõi kế hoạch kiểm kê
----------	---

Đối tượng sử dụng	<i>Nhân viên kho</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Nhân viên bộ phận liên quan</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Dashboard > Kiểm kê > Danh sách kế hoạch kiểm kê</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin vị trí, thông tin sản phẩm, thông tin nhân viên</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin kế hoạch kiểm kê</i>

10.1.2 Màn hình



Link figma : [DMS – Figma](#)

STT	Tên control	Loại control	Riquire	Mô tả
I. Tìm kiếm				
	Tìm kiếm từ khóa	Textbox (maxlength 50)	Không	Tìm kiếm theo mã kế hoạch kiểm kê : maxlength 50 ký tự, cho phép nhập chữ số khoảng trắng, hiển thị placeholder “Nhập từ khóa”

				Tìm kiếm tương đối các trường thông tin : Mã kế hoạch kiểm kê
	Calendar			Mặc định hiển thị from-to 30 ngày gần nhất theo định dạng dd-mm-yyyy to dd-mm-yyyy
	Tab trạng thái	Combobox	Không	Fix cứng gồm các trạng thái của : Tất cả, Chưa bắt đầu, Đang thực hiện, Hoàn thành

Thông tin box kế hoạch kiểm kê

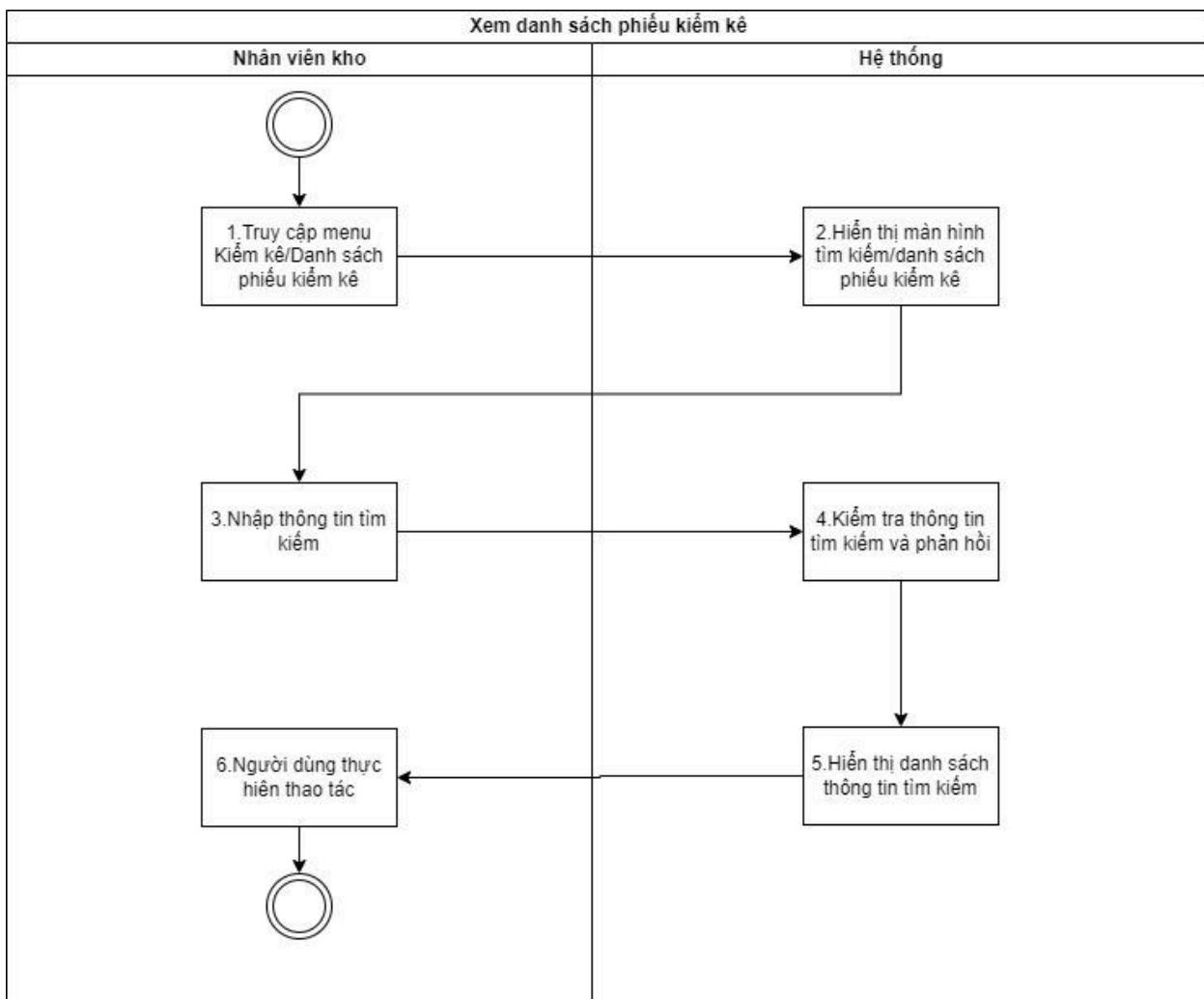
	Danh sách kế hoạch			Lấy tất cả kế hoạch kiểm kê được phê duyệt từ cms và tất cả kiểm kê phát sinh được tạo từ cms hoặc từ app
1	Mã kế hoạch kiểm kê (*)	ReadOnly	Có	Là mã kế hoạch kiểm kê. Tối đa 50 ký tự, chữ không chứa các dấu thanh sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng; số, không khoảng trắng, cho phép các ký tự "# _ / \ . -", check trùng phải là duy nhất (không phân biệt hoa thường). Dạng textlink,

				<p>click vào mã hiển thị ra màn view chi tiết.</p> <p>+ Với kế hoạch kiểm kê : mã sinh theo định dạng KHKK+ STT</p> <p>+ Với kiểm kê phát sinh : mã sinh theo định dạng [PS] KHKK+ STT và đánh dấu bằng màu #FF4956.</p>
	Ngày kiểm kê	ReadOnly	Không	<p>-Kế hoạch kiểm kê : Là ngày kế hoạch kiểm kê (được phê duyệt)</p> <p>-Kiểm kê phát sinh : Là ngày nhân viên tạo phát sinh</p>
	Phương pháp kiểm kê	ReadOnly	Không	Hiển thị phương pháp kiểm kê 1 trong 2 giá trị fix cứng gồm : Theo sản phẩm, Theo vị trí
	Trạng thái	ReadOnly	Có	<p>-Là trạng thái của kế hoạch kiểm kê gồm 3 trạng thái :</p> <p>+Chưa bắt đầu : Khi kế hoạch được phê duyệt, trạng thái mặc định là “Chưa bắt đầu”</p> <p>+Đang thực hiện : Là kế hoạch kiểm kê đã được tạo ra phiếu kiểm kê</p> <p>+Hoàn thành : Là kế hoạch kiểm kê đã hoàn thành hết phiếu kiểm kê cho tất cả sản phẩm và vị trí cần kiểm kê của kế hoạch</p>

				-Với kiểm kê phát sinh : không có trạng thái của kê hoạch
	Số phiếu kiểm kê	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là số phiếu kiểm kê đã hoàn thành</p> <p>Y là số phiếu kiểm kê đã được tạo cho kê hoạch kiểm kê</p>
	Số mặt hàng	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là số SKU đã hoàn thành kiểm kê tại các phiếu kiểm kê hoàn thành</p> <p>Y là số SKU cần kiểm kê của kê hoạch kiểm kê</p>
	Số vị trí	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là số vị trí đã hoàn thành kiểm kê tại các phiếu kiểm kê hoàn thành</p> <p>Y là số vị trí cần kiểm kê của kê hoạch kiểm kê</p>

	Tổng số lượng	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là tổng số lượng của tất cả các SKU đã hoàn thành kiểm kê tại các phiếu kiểm kê hoàn thành</p> <p>Y là tổng số lượng của tất cả các SKU cần kiểm kê của kế hoạch kiểm kê</p>
--	---------------	----------	----	---

10.1.3 Biểu đồ luồng nghiệp vụ



10.1.4 Mô tả chi tiết luồng nghiệp vụ

Bước	Nhân viên kho	Hệ thống
1	Nhân viên	Tại màn hình trang chủ nhân viên kho click chọn Kiểm kê > Danh sách kế hoạch kiểm kê
2	Hệ thống	Hiển thị màn hình danh sách kế hoạch kiểm kê
3	Nhân viên	Nhập thông tin tìm kiếm. -Tìm kiếm theo từ khóa : tìm kiếm theo các cột : Mã kế hoạch kiểm kê
4	Hệ thống	Kiểm tra thông tin tìm kiếm, thông tin gửi yêu cầu bao gồm: Thực hiện kiểm tra thông tin tìm kiếm và trả kết quả cho client Nếu điều kiện tìm kiếm có bản ghi thỏa mãn → hiển thị các thông tin bản ghi (Mã kế hoạch kiểm kê, Ngày tạo, Ngày bắt đầu - Ngày kết thúc, Người kiểm kê, Kho, Phương pháp kiểm kê, Loại kế hoạch, Trạng thái, Hành động) Nếu không có bản ghi thỏa mãn điều kiện tìm kiếm → hiển thị màn hình trắng + message “Không có dữ liệu để hiển thị” Kết thúc Usecase.

10.1.5 Chức năng bị ảnh hưởng

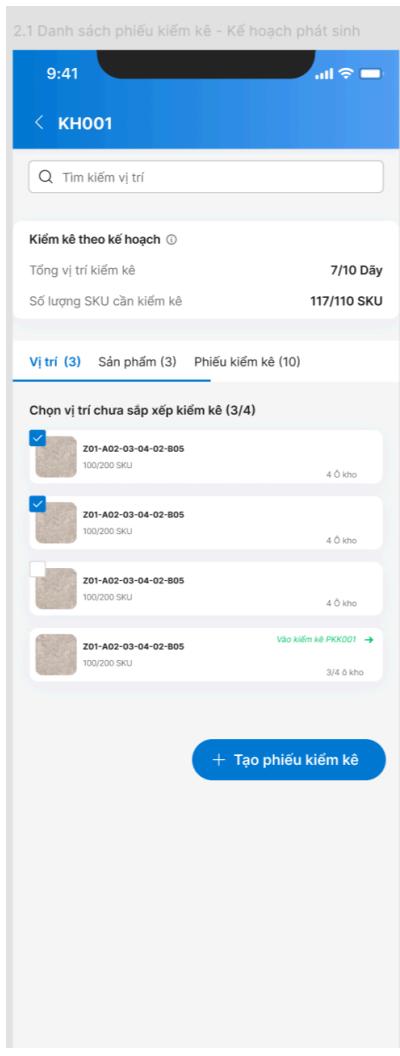
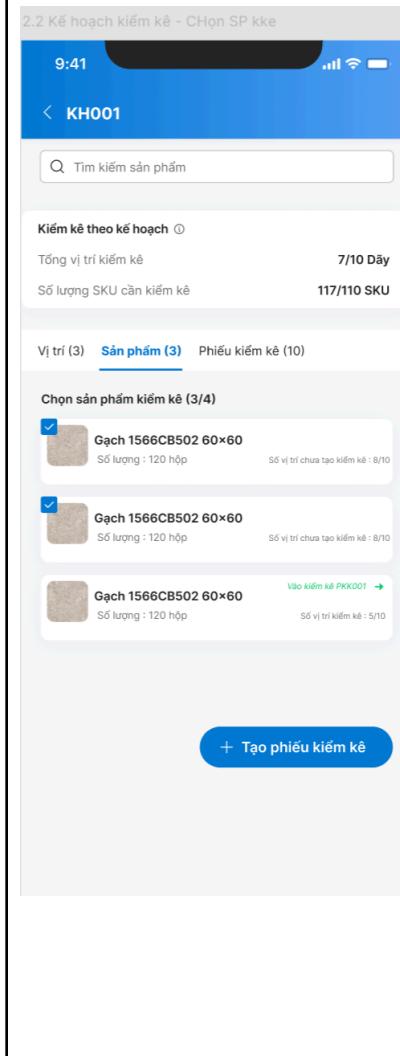
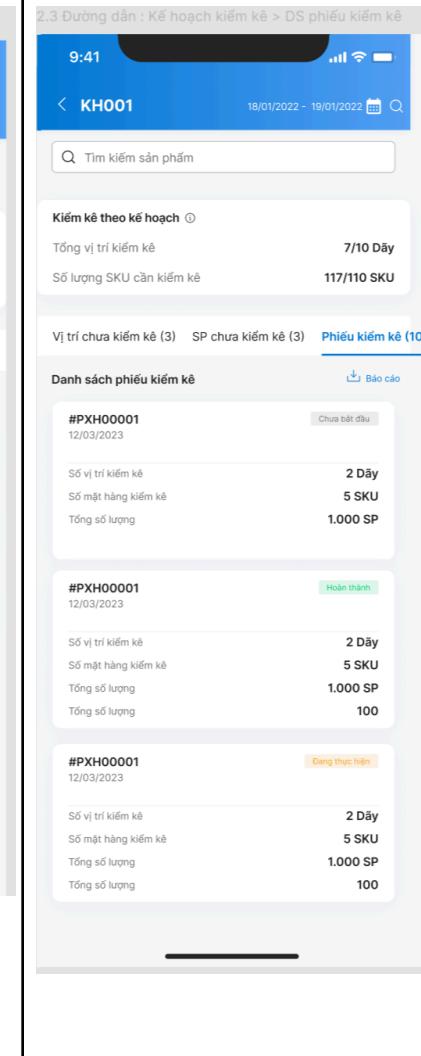
Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng

10.2 Xem chi tiết kế hoạch kiểm kê

10.2.1 Mô tả chung

Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi muốn xem chi tiết kế hoạch kiểm kê của mình, để theo dõi và tạo phiếu kiểm kê phù hợp</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Nhân viên kho</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Nhân viên bộ phận liên quan</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Dashboard > Kiểm kê > Danh sách kế hoạch kiểm kê > Bản ghi của kế hoạch kiểm kê</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin kế hoạch kiểm kê, thông tin nhân viên</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin kế hoạch kiểm kê</i>

10.2.2 Màn hình

		
<p>2.1 Chi tiết kế hoạch kiểm kê/ Tab chọn vị trí kiểm kê Link figma : DMS – Figma</p>	<p>2.2 Chi tiết kế hoạch kiểm kê/ Tab chọn sản phẩm kiểm kê Link figma : DMS – Figma</p>	<p>2.3 Chi tiết kế hoạch kiểm kê/ Tab danh sách phiếu kiểm kê Link figma : DMS – Figma</p>

STT	Tên control	Loại control	Riquire	Mô tả

Thông tin kế hoạch kiểm kê

	Loại kế hoạch	ReadOnly	Có	<p>1. Hiển thị loại kế hoạch kiểm kê theo type khi kế hoạch được tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> -TH1 : Theo kế hoạch kiểm kê Hiển thị text : Kiểm kê theo kế hoạch -TH2 : Kiểm kê phát sinh Hiển thị text : Kiểm kê phát sinh <p>2. Xem chi tiết thông tin kế hoạch kiểm kê</p> <p>Click vào icon (i) hiển thị popup thông tin chi tiết của kế hoạch gồm các thông tin : Mã kế hoạch kiểm kê, Kiểm kê theo(Vị trí, Sản phẩm), Phương pháp kiểm kê, Ngày áp dụng</p> <p>Xem chi tiết kế hoạch kiểm kê</p> <p>9:41</p> <p>< KH001 18/01/2022 - 19/01/2022</p> <p>Thông tin kế hoạch</p> <table border="0"> <tbody> <tr> <td>Mã KHHK</td> <td>[PS] KHKK04385</td> </tr> <tr> <td>Kiểm kê theo</td> <td>Vị trí</td> </tr> <tr> <td>Phương pháp KK</td> <td>Theo dãy</td> </tr> <tr> <td>Ngày áp dụng</td> <td>20/06/2023 - 30/6/2023</td> </tr> </tbody> </table> <p>Đóng</p> <p>12/03/2023</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p>	Mã KHHK	[PS] KHKK04385	Kiểm kê theo	Vị trí	Phương pháp KK	Theo dãy	Ngày áp dụng	20/06/2023 - 30/6/2023
Mã KHHK	[PS] KHKK04385											
Kiểm kê theo	Vị trí											
Phương pháp KK	Theo dãy											
Ngày áp dụng	20/06/2023 - 30/6/2023											
	Tổng vị trí kiểm kê	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị tổng số vị trí mà kế hoạch kiểm kê cần kiểm kê</p> <ul style="list-style-type: none"> -TH1 : Theo kế hoạch kiểm kê 								

				<p>Số lượng vị trí lấy từ màn kê hoạch kiểm kê sau khi được phê duyệt</p> <p>-TH2 : Kiểm kê phát sinh</p> <p>Số lượng vị trí tính bằng tổng các vị trí tại các phiếu kiểm kê được tạo</p>
	Số lượng SKU kiểm kê	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị tổng số lượng SKU (mặt hàng) mà kế hoạch kiểm kê cần kiểm kê</p> <p>-TH1 : Theo kế hoạch kiểm kê</p> <p>Số lượng SKU lấy từ màn kê hoạch kiểm kê sau khi được phê duyệt</p> <p>-TH2 : Kiểm kê phát sinh</p> <p>Số lượng SKU tính bằng tổng các SKU tại các phiếu kiểm kê được tạo cho kiểm kê phát sinh</p>
	Tab trạng thái	Combobox	Không	<p>TH1: Kế hoạch kiểm kê chưa tạo hết phiếu kiểm kê</p> <p>Fix cứng gồm các 3 tab gồm : Vị trí, Sản phẩm, Phiếu kiểm kê</p> <p>TH2: Kế hoạch kiểm kê đã tạo hết phiếu kiểm kê</p> <p>=> Ân thanh trạng thái này, mặc định lấy thông tin tab danh sách phiếu kiểm kê</p>
I. Màn 2.1 : Tab chọn vị trí kiểm kê				

	Danh sách các vị trí (các box vị trí)	Checkbox hoặc ReadOnly	Có	<p>Tab này chỉ hiển thị khi sản phẩm thuộc vị trí chưa được tạo phiếu kiểm kê</p> <p>Lấy thông tin tất cả các vị trí zone, dãy, ô/bin,..(theo phương pháp kiểm kê) từ kế hoạch kiểm kê (bao gồm cả kiểm kê phát sinh) chưa được tạo ra</p>
	Tìm kiếm	Textbox (maxlength 50)	Không	<p>Tìm kiếm theo mã vị trí kho : maxlength 50 ký tự, cho phép nhập chữ số khoảng trắng, hiển thị placeholder “Nhập từ khóa”</p> <p>Tìm kiếm tương đối các trường thông tin : Mã vị trí kho (zone, kho, dãy, ô/bin,..)</p>
	Mã vị trí	Read Only	Có	<p>Hiển thị thông tin mã vị trí cần kiểm kê được tạo từ kế hoạch</p> <p>Lưu ý : Mã vị trí ở đây có thể là mã zone, mã dãy, mã ô/bin,.. Tùy theo phương pháp kiểm kê của kế hoạch kiểm kê</p>
	Số lượng SKU tại vị trí	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng SKU đã tạo phiếu kiểm kê và số lượng SKU cần kiểm kê tại vị trí theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó :</p> <p>X : Số lượng SKU đã tạo phiếu kiểm kê</p> <p>Lưu ý : Số lượng này sẽ được update lại trong trường hợp user tạo phiếu kiểm kê từ tab sản phẩm</p> <p>Y : Tổng số lượng SKU cần kiểm kê tại vị trí</p>

	Ô kho	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng ô kho (đơn vị nhỏ nhất của vị trí kho) đã tạo phiếu kiểm kê/Tổng ô kho cần kiểm kê tại vị trí</p> <p>Trong đó :</p> <p>X : Số lượng ô kho đã tạo phiếu kiểm kê</p> <p>Lưu ý : Số lượng này sẽ được update lại trong trường hợp user tạo phiếu kiểm kê từ tab sản phẩm</p> <p>Y : Tổng số lượng ô kho cần kiểm kê tại vị trí</p>
	Chọn vị trí	Checkbox	Không	<p>1. Mục đích để user chọn vị trí để tạo phiếu kiểm kê.</p> <p>Khi chọn checkbox => mặc định tất cả các ô kho và các mã sản phẩm thuộc vị trí chưa được tạo phiếu kiểm sẽ được tạo hết vào phiếu kiểm mới</p> <p>2. Khi đã chọn hết tất cả vị trí kiểm kê của kế hoạch => tab này sẽ bị ẩn</p>
II. Màn 2.2 : Tab chọn sản phẩm kiểm kê				
	Danh sách các sản phẩm (các box sản phẩm)	Checkbox hoặc ReadOnly	Có	Tab này chỉ hiển thị khi sản phẩm chưa được tạo phiếu kiểm kê hết từ các vị trí

	Tìm kiếm	Textbox (maxlength 50)	Không	<p>Tìm kiếm theo mã sản phẩm kho : maxlength 50 ký tự, cho phép nhập chữ số khoảng trắng, hiển thị placeholder “Nhập từ khóa”</p> <p>Tìm kiếm tương đối các trường thông tin : Mã sản phẩm</p>
	Mã sản phẩm	Read Only	Có	Hiển thị thông tin mã sản phẩm cần kiểm kê được tạo từ kế hoạch
	Số lượng chưa tạo kiểm kê	Read Only	Có	Hiển thị số lượng sản phẩm tại tất cả các vị trí chưa được tạo phiếu kiểm kê (lấy theo tồn ghi nhận tại hệ thống)
	Số vị trí chưa tạo kiểm kê	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng vị trí đã tạo phiếu kiểm kê/Tổng vị trí cần kiểm kê theo dạng X/Y</p> <p>Trong đó :</p> <p>X : Số lượng vị trí của sản phẩm đã được tạo phiếu kiểm kê</p> <p>Lưu ý : Số lượng này sẽ được update lại trong trường hợp user tạo phiếu kiểm kê từ tab vị trí</p> <p>Y : Tổng số lượng vị trí của sản phẩm cần kiểm kê</p>

	Chọn sản phẩm	Checkbox	Không	<p>1. Mục đích để user chọn sản phẩm để tạo phiếu kiểm kê.</p> <p>Khi chọn checkbox => mặc định tất cả các vị trí của sản phẩm chưa được tạo phiếu kiểm sẽ được tạo hết vào phiếu kiểm mới</p> <p>2. Khi đã chọn hết tất cả sản phẩm kiểm kê của kế hoạch => tab này sẽ bị ẩn</p>
--	---------------	----------	-------	---

III. Màn 2.3 : Tab danh sách phiếu kiểm kê

	Danh sách phiếu kiểm kê	Checkbox hoặc ReadOnly	Có	Hiển thị danh sách tất cả các phiếu kiểm kê được tạo từ kế hoạch kiểm kê
	Tìm kiếm	Textbox (maxlength 50)	Không	<p>Tìm kiếm theo mã phiếu kiểm kê : maxlength 50 ký tự, cho phép nhập chữ số khoảng trắng, hiển thị placeholder “Nhập từ khóa”</p> <p>Tìm kiếm tương đối các trường thông tin : Mã phiếu kiểm kê</p>
	Mã phiếu kiểm kê	Read Only	Có	Hiển thị thông tin mã phiếu kiểm kê được tạo từ kế hoạch

	Ngày	Read Only	Có	Hiển thị thông tin ngày tạo phiếu kiểm kê từ kế hoạch
	Trạng thái	Read Only	Có	<p>Hiển thị thông tin trạng thái phiếu kiểm kê gồm các trạng thái :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chưa bắt đầu : phiếu kiểm kê sau khi được tạo và chưa cập nhật số lượng - Đang thực hiện : - Hoàn thành :
	Số mặt hàng	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là số SKU đã hoàn thành kiểm kê tại các phiếu kiểm kê hoàn thành</p> <p>Y là số SKU cần kiểm kê của phiếu kiểm kê</p>
	Số vị trí	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là số vị trí đã hoàn thành kiểm kê tại các phiếu kiểm kê hoàn thành</p> <p>Y là số vị trí cần kiểm kê của phiếu kiểm kê</p>

	Tổng số lượng	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là tổng số lượng của tất cả các SKU đã hoàn thành kiểm kê tại các phiếu kiểm kê hoàn thành</p> <p>Y là tổng số lượng của tất cả các SKU cần kiểm kê của phiếu kiểm kê</p>
--	---------------	----------	----	--

10.2.3 Biểu đồ luồng nghiệp vụ

10.2.4 Mô tả chi tiết luồng nghiệp vụ

Bước	Nhân viên kho	Hệ thống
1	Nhân viên	Tại màn hình trang chủ nhân viên kho click chọn Kiểm kê > Danh sách kế hoạch kiểm kê > Click bản ghi
2	Hệ thống	Hiển thị màn hình chi tiết kế hoạch kiểm kê
3	Nhân viên	Nhập thông tin tìm kiếm. -Tìm kiếm theo từ khóa : tìm kiếm theo tab : mã vị trí, mã sản phẩm, mã phiếu kiểm kê
4	Hệ thống	Kiểm tra thông tin tìm kiếm, thông tin gửi yêu cầu bao gồm: Thực hiện kiểm tra thông tin tìm kiếm và trả kết quả cho client Nếu điều kiện tìm kiếm có bản ghi thỏa mãn → hiển thị các thông tin bản ghi Nếu không có bản ghi thỏa mãn điều kiện tìm kiếm → hiển thị màn hình trắng + message “Không có dữ liệu để hiển thị”

		Kết thúc Usecase.
--	--	-------------------

10.2.5 Chức năng bị ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng

10.3 Xem chi tiết phiếu kiểm kê

10.3.1 Mô tả chung

Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi muốn xem chi tiết phiếu kiểm kê của mình, để thực hiện update thông tin phiếu.</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Nhân viên kho</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Nhân viên bộ phận liên quan</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Dashboard > Kiểm kê > Kế hoạch kiểm kê/Tab phiếu kiểm kê > Click chi tiết bản ghi</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin kế hoạch kiểm kê, thông tin vị trí kiểm kê, thông tin sản phẩm kiểm kê,...</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin chi tiết phiếu kiểm kê</i>

10.3.2 Màn hình

<p>2.3.1 Chi tiết phiếu kiểm : Sản phẩm kiểm kê</p>	<p>2.3.1 Chi tiết phiếu kiểm : Vị trí kiểm kê</p>
<p>2.3.1 TH1: Chi tiết phiếu kiểm kê/ Tab sản phẩm kiểm kê</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p>	<p>2.3.1 TH2 : Chi tiết phiếu kiểm kê/ Tab vị trí kiểm kê</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p>

	Tên control	Loại control	Riquire	Mô tả
Thông tin phiếu kiểm kê				
	Mã phiếu kiểm kê	Read Only	Có	Hiển thị thông tin mã phiếu kiểm kê được tạo từ kế hoạch
	Ngày	Read Only	Có	Hiển thị thông tin ngày tạo phiếu kiểm kê từ kế hoạch
	Trạng thái	Read Only	Có	<p>Hiển thị thông tin trạng thái phiếu kiểm kê gồm các trạng thái :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chưa bắt đầu : phiếu kiểm kê sau khi được tạo và chưa cập nhật số lượng Hành động : Chính sửa, Xóa <p>- Đang thực hiện :</p> <p>Hành động : Chính sửa</p> <p>- Hoàn thành :</p> <p>Hành động : không</p>
	Số lượng SKU kiểm kê	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là số SKU đã hoàn thành kiểm kê của phiếu kiểm kê hoàn thành</p> <p>Y là số SKU cần kiểm kê của phiếu kiểm kê</p>
	Vị trí kiểm kê	ReadOnly	Có	Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y

				<p>Trong đó : X là số vị trí đã hoàn thành kiểm kê của phiếu kiểm kê</p> <p>Y là số vị trí cần kiểm kê của phiếu kiểm kê</p>
	Tổng số lượng	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là tổng số lượng của tất cả các SKU đã thực hiện kiểm kê của phiếu kiểm kê</p> <p>Y là tổng số lượng của tất cả các SKU cần kiểm kê của phiếu kiểm kê</p>
	Tab filter	Combobox	Không	Fix cứng gồm các 2 tab gồm : Vị trí kiểm kê, Sản phẩm kiểm kê
I. Màn 2.3.1 TH1 : Tab sản phẩm kiểm kê				
	Danh sách các sản phẩm (các box sản phẩm)	ReadOnly	Có	Hiển thi danh sách tất cả sản phẩm kiểm kê của phiếu kiểm kê

	Mã sản phẩm	Read Only	Có	Hiển thị thông tin mã sản phẩm cần kiểm kê của phiếu
	Tồn hệ thống	Read Only	Có	Hiển thị số lượng sản phẩm tại tất cả các vị trí cần kiểm kê của phiếu kiểm kê (lấy theo tồn ghi nhận tại hệ thống)
	Số vị trí	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng vị trí đã kiểm kê/Tổng vị trí cần kiểm kê của phiếu theo dạng X/Y</p> <p>Trong đó :</p> <p>X : Số lượng vị trí của sản phẩm đã thực hiện Lưu ý : Số lượng này sẽ được update lại trong trường hợp user cập nhật kiểm kê từ tab vị trí</p> <p>Y : Tổng số lượng vị trí của sản phẩm cần kiểm kê của phiếu</p>

I. Màn 2.3.1 TH2 : Tab vị trí kiểm kê

	Danh sách các vị trí (các box vị trí)	Checkbox hoặc ReadOnly	Có	Hiển thi danh sách tất cả vị trí cần kiểm kê của phiếu kiểm kê
--	---------------------------------------	------------------------	----	--

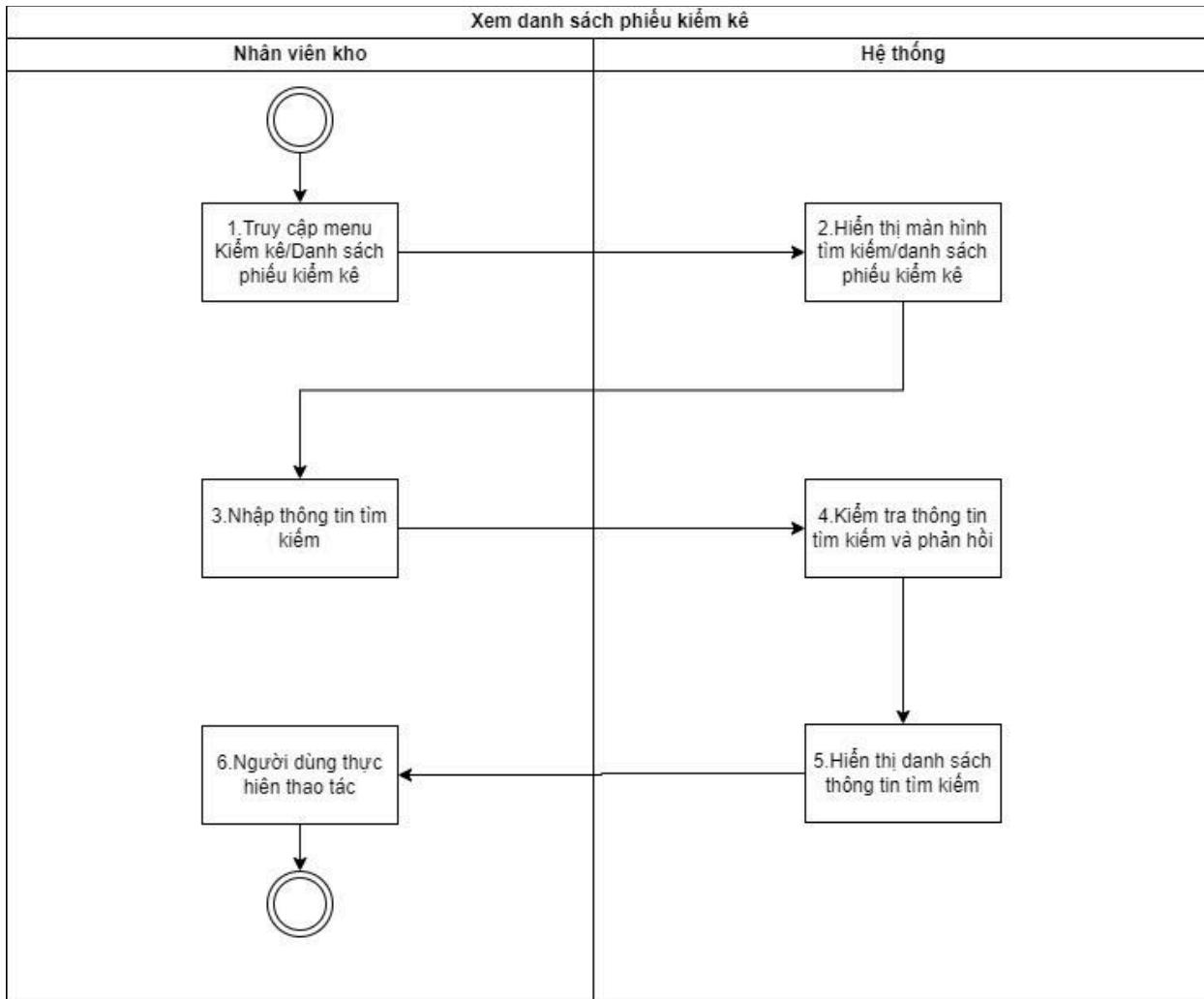
	Mã vị trí	Read Only	Có	<p>Hiển thị thông tin mã vị trí cần kiểm kê được tạo từ kế hoạch</p> <p>Lưu ý : Mã vị trí ở đây có thể là mã zone, mã dây, mã ô/bin,... Tùy theo phương pháp kiểm kê của kế hoạch kiểm kê</p>
	Tồn hệ thống	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng của tất cả sản phẩm tại vị trí cần kiểm kê của phiếu kiểm kê (lấy theo tồn ghi nhận tại hệ thống)</p>
	Số lượng SKU tại vị trí	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng SKU đã thực hiện kiểm kê và số lượng SKU cần kiểm kê tại vị trí theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó :</p> <p>X : Số lượng SKU đã thực hiện kiểm kê</p> <p>Lưu ý : Số lượng này sẽ được update lại trong trường hợp user tạo phiếu kiểm kê từ tab sản phẩm</p> <p>Y : Tổng số lượng SKU cần kiểm kê tại vị trí</p>
	Ô kho	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng ô kho (đơn vị nhỏ nhất của vị trí kho) của vị trí kiểm kê/Tổng ô kho cần kiểm kê tại vị trí</p> <p>Trong đó :</p> <p>X : Số lượng ô kho đã thực hiện kiểm kê</p> <p>Lưu ý : Số lượng này sẽ được update lại trong trường hợp user tạo phiếu kiểm kê từ tab sản phẩm</p>

				Y : Tổng số lượng ô kho cần kiểm kê tại vị trí
Box thông kê (thông tin chung của phiếu kiểm kê)				
	Số mặt hàng kiểm kê	ReadOnly	Có	<p>Hiển thị giá trị theo định dạng X/Y</p> <p>Trong đó : X là số SKU đã hoàn thành kiểm kê tại phiếu kiểm kê</p> <p>Y là số SKU cần kiểm kê của phiếu kiểm kê</p>
	Số lượng tồn hệ thống	ReadOnly	Có	Là tổng số lượng của tất cả các SKU cần kiểm kê của phiếu kiểm kê
	Số lượng tồn thực tế	ReadOnly	Có	<p>Là tổng số lượng của tất cả các SKU đã kiểm kê thực tế của phiếu kiểm kê</p> <p>Tồn thực tế = Tồn hệ thống - Số lượng hao hụt</p> <p>Hoặc</p> <p>Tồn thực tế = Tồn hệ thống - Số lượng mất phẩm chất - Số lượng kém phẩm chất - Số lượng thất thoát</p>

				Số lượng hao hụ = = Số lượng mất phẩm chất + Số lượng kém phẩm chất + Số lượng thất thoát
	Số lượng thất thoát	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị mất trong quá trình kiểm kê</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng thất thoát đầy từ tồn (của vị trí kiểm kê) về vị trí thất thoát (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực</p>
	Số lượng mất phẩm chất	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị mất phẩm chất trong quá trình kiểm kê (sản phẩm có hiện hữu trong kho nhưng k còn giá trị)</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng mất phẩm chất đầy từ tồn (của vị trí kiểm kê) về vị trí mất phẩm chất (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực</p>
	Số lượng kém phẩm chất	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị kém phẩm chất trong quá trình kiểm kê (sản phẩm có hiện hữu trong kho nhưng chất lượng kém)</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng kém phẩm chất đầy từ tồn (của vị trí kiểm kê) về vị trí kém phẩm chất (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực</p>

	Ghi chú	ReadOnly	Có	
	File upload	ReadOnly	Có	

10.3.3 Biểu đồ luồng nghiệp vụ



10.3.4 Mô tả chi tiết luồng nghiệp vụ

Bước	Nhân viên kho	Hệ thống
1	Nhân viên	Tại màn hình trang chủ nhân viên kho click chọn <i>Kiểm kê > Danh sách kế hoạch kiểm kê > Bản ghi của kế hoạch kiểm kê</i>
2	Hệ thống	Hiển thị màn hình chi tiết phiếu kiểm kê

5.1	Nhân viên	<p>Người dùng chọn: "Chỉnh sửa" → Chuyển luồng chỉnh sửa phiếu kiểm kê "Xóa" → Chuyển luồng Xóa phiếu kiểm kê</p> <p>Kết thúc Usecase.</p>
-----	-----------	--

10.3.5 Chức năng bị ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng

10.4 Cập nhật phiếu kiểm kê - chiều sản phẩm

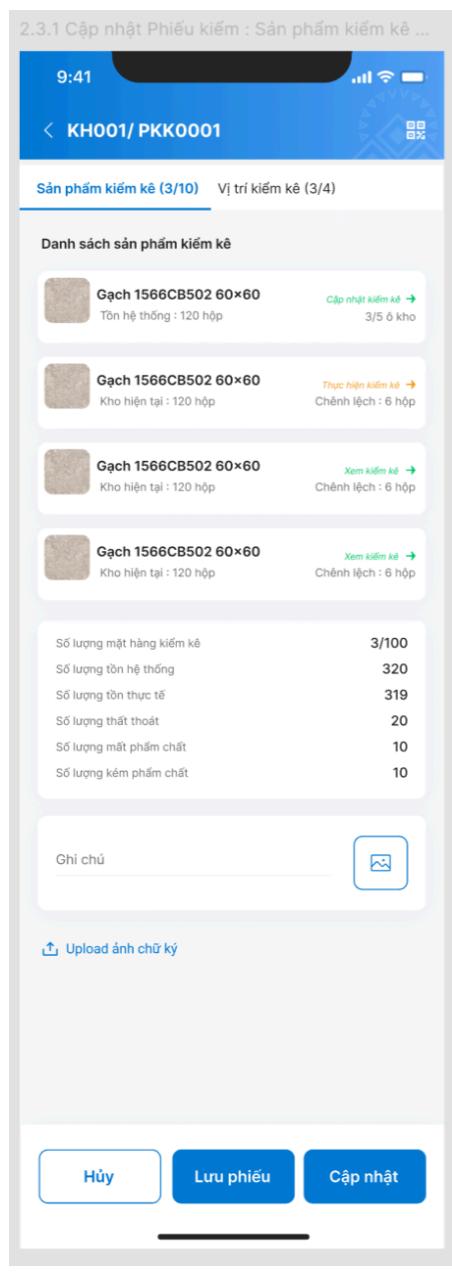
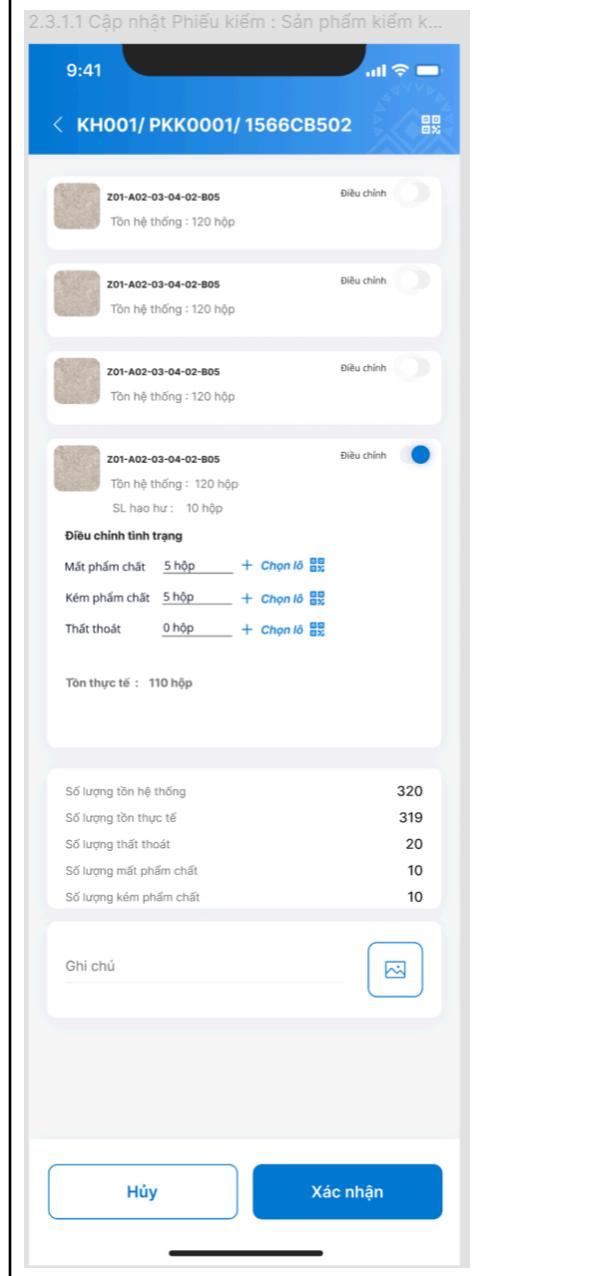
10.4.1 Mô tả chung

Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi muốn cập nhật/thực hiện phiếu kiểm kê của mình, để thực hiện update thông tin phiếu.</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Nhân viên kho</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Nhân viên bộ phận liên quan</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Dashboard > Kiểm kê > Kế hoạch kiểm kê/Tab phiếu kiểm kê > Click chi tiết bản ghi > Icon chỉnh sửa</i>

Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin chi tiết phiếu kiểm kê</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin chi tiết phiếu kiểm kê</i>

10.4.2 Màn hình

TH1 : Cập nhật phiếu kiểm kê từ chiều sản phẩm

 <p>2.3.1 Cập nhật Phiếu kiểm : Sản phẩm kiểm kê ...</p> <p>9:41</p> <p>< KH001/PKK0001</p> <p>Sản phẩm kiểm kê (3/10) Vị trí kiểm kê (3/4)</p> <p>Danh sách sản phẩm kiểm kê</p> <ul style="list-style-type: none"> Gạch 1566CB502 60x60 Tồn hệ thống : 120 hộp Cập nhật kiểm kê → 3/5 ô kho Gạch 1566CB502 60x60 Kho hiện tại : 120 hộp Thực hiện kiểm kê → Chênh lệch : 6 hộp Gạch 1566CB502 60x60 Kho hiện tại : 120 hộp Xem kiểm kê → Chênh lệch : 6 hộp Gạch 1566CB502 60x60 Kho hiện tại : 120 hộp Xem kiểm kê → Chênh lệch : 6 hộp <table border="1"> <tbody> <tr> <td>Số lượng mặt hàng kiểm kê</td> <td>3/100</td> </tr> <tr> <td>Số lượng tồn hệ thống</td> <td>320</td> </tr> <tr> <td>Số lượng tồn thực tế</td> <td>319</td> </tr> <tr> <td>Số lượng thất thoát</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>Số lượng mất phẩm chất</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>Số lượng kém phẩm chất</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table> <p>Ghi chú Upload ảnh chữ ký</p> <p>Hủy Lưu phiếu Cập nhật</p>	Số lượng mặt hàng kiểm kê	3/100	Số lượng tồn hệ thống	320	Số lượng tồn thực tế	319	Số lượng thất thoát	20	Số lượng mất phẩm chất	10	Số lượng kém phẩm chất	10	 <p>2.3.1.1 Cập nhật Phiếu kiểm : Sản phẩm kiểm kê ...</p> <p>9:41</p> <p>< KH001/PKK0001/1566CB502</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>Z01-A02-03-04-02-B05</td> <td>Điều chỉnh</td> </tr> <tr> <td>Tồn hệ thống : 120 hộp</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Z01-A02-03-04-02-B05</td> <td>Điều chỉnh</td> </tr> <tr> <td>Tồn hệ thống : 120 hộp</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Z01-A02-03-04-02-B05</td> <td>Điều chỉnh</td> </tr> <tr> <td>Tồn hệ thống : 120 hộp</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Z01-A02-03-04-02-B05</td> <td>Điều chỉnh</td> </tr> <tr> <td>Tồn hệ thống : 120 hộp</td> <td></td> </tr> <tr> <td>SL hao hụt : 10 hộp</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Điều chỉnh tình trạng</p> <p>Mất phẩm chất 5 hộp + Chọn lô</p> <p>Kém phẩm chất 5 hộp + Chọn lô</p> <p>Thất thoát 0 hộp + Chọn lô</p> <p>Tồn thực tế : 110 hộp</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>Số lượng tồn hệ thống</td> <td>320</td> </tr> <tr> <td>Số lượng tồn thực tế</td> <td>319</td> </tr> <tr> <td>Số lượng thất thoát</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>Số lượng mất phẩm chất</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>Số lượng kém phẩm chất</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table> <p>Ghi chú</p> <p>Hủy Xác nhận</p>	Z01-A02-03-04-02-B05	Điều chỉnh	Tồn hệ thống : 120 hộp		Z01-A02-03-04-02-B05	Điều chỉnh	Tồn hệ thống : 120 hộp		Z01-A02-03-04-02-B05	Điều chỉnh	Tồn hệ thống : 120 hộp		Z01-A02-03-04-02-B05	Điều chỉnh	Tồn hệ thống : 120 hộp		SL hao hụt : 10 hộp		Số lượng tồn hệ thống	320	Số lượng tồn thực tế	319	Số lượng thất thoát	20	Số lượng mất phẩm chất	10	Số lượng kém phẩm chất	10
Số lượng mặt hàng kiểm kê	3/100																																								
Số lượng tồn hệ thống	320																																								
Số lượng tồn thực tế	319																																								
Số lượng thất thoát	20																																								
Số lượng mất phẩm chất	10																																								
Số lượng kém phẩm chất	10																																								
Z01-A02-03-04-02-B05	Điều chỉnh																																								
Tồn hệ thống : 120 hộp																																									
Z01-A02-03-04-02-B05	Điều chỉnh																																								
Tồn hệ thống : 120 hộp																																									
Z01-A02-03-04-02-B05	Điều chỉnh																																								
Tồn hệ thống : 120 hộp																																									
Z01-A02-03-04-02-B05	Điều chỉnh																																								
Tồn hệ thống : 120 hộp																																									
SL hao hụt : 10 hộp																																									
Số lượng tồn hệ thống	320																																								
Số lượng tồn thực tế	319																																								
Số lượng thất thoát	20																																								
Số lượng mất phẩm chất	10																																								
Số lượng kém phẩm chất	10																																								
<p>Màn 2.3.1 : Đường dẫn : Click cập nhật phiếu kiểm kê/ Tab sản phẩm kiểm kê</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p>	<p>Màn 2.3.1.1 : Đường dẫn : Click cập nhật phiếu kiểm kê/ Tab sản phẩm kiểm kê > click box sản phẩm kiểm kê</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p>																																								

	Tên control	Loại control	Riquire	Mô tả
1.Thông tin sản phẩm kiểm kê của phiếu				
1.1 Thông tin box sản phẩm				
	Mã sản phẩm	Read Only	Có	Hiển thị thông tin mã sản phẩm cần kiểm kê của phiếu
	Tồn hệ thống	Read Only	Có	Hiển thị số lượng sản phẩm tại tất cả các vị trí cần kiểm kê của phiếu kiểm kê (lấy theo tồn ghi nhận tại hệ thống)
	Số vị trí	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng vị trí đã kiểm kê/Tổng vị trí cần kiểm kê của phiếu theo dạng X/Y</p> <p>Trong đó :</p> <p>X : Số lượng vị trí của sản phẩm đã thực hiện Lưu ý : Số lượng này sẽ được update lại trong trường hợp user cập nhật kiểm kê từ tab vị trí</p> <p>Y : Tổng số lượng vị trí của sản phẩm cần kiểm kê của phiếu</p>

	Cập nhật/Thực hiện kiểm kê	Textlink		Click điều hướng sang màn danh sách các vị trí cần kiểm kê của sản phẩm Chi tiết mô tả màn 2.3.1.1 : Mục 1.2 Thông tin vị trí kiểm kê của sản phẩm
--	----------------------------	----------	--	--

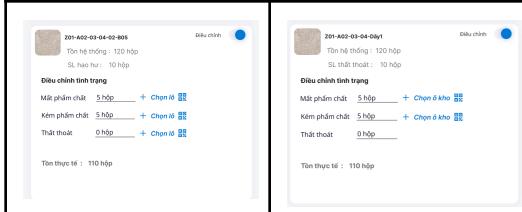
Mục 1.2 Thông tin vị trí kiểm kê của sản phẩm

Tên màn figma : 2.3.1.1 Cập nhật Phiếu kiểm : Sản phẩm kiểm kê > Vị trí

Link figma : [DMS – Figma](#)



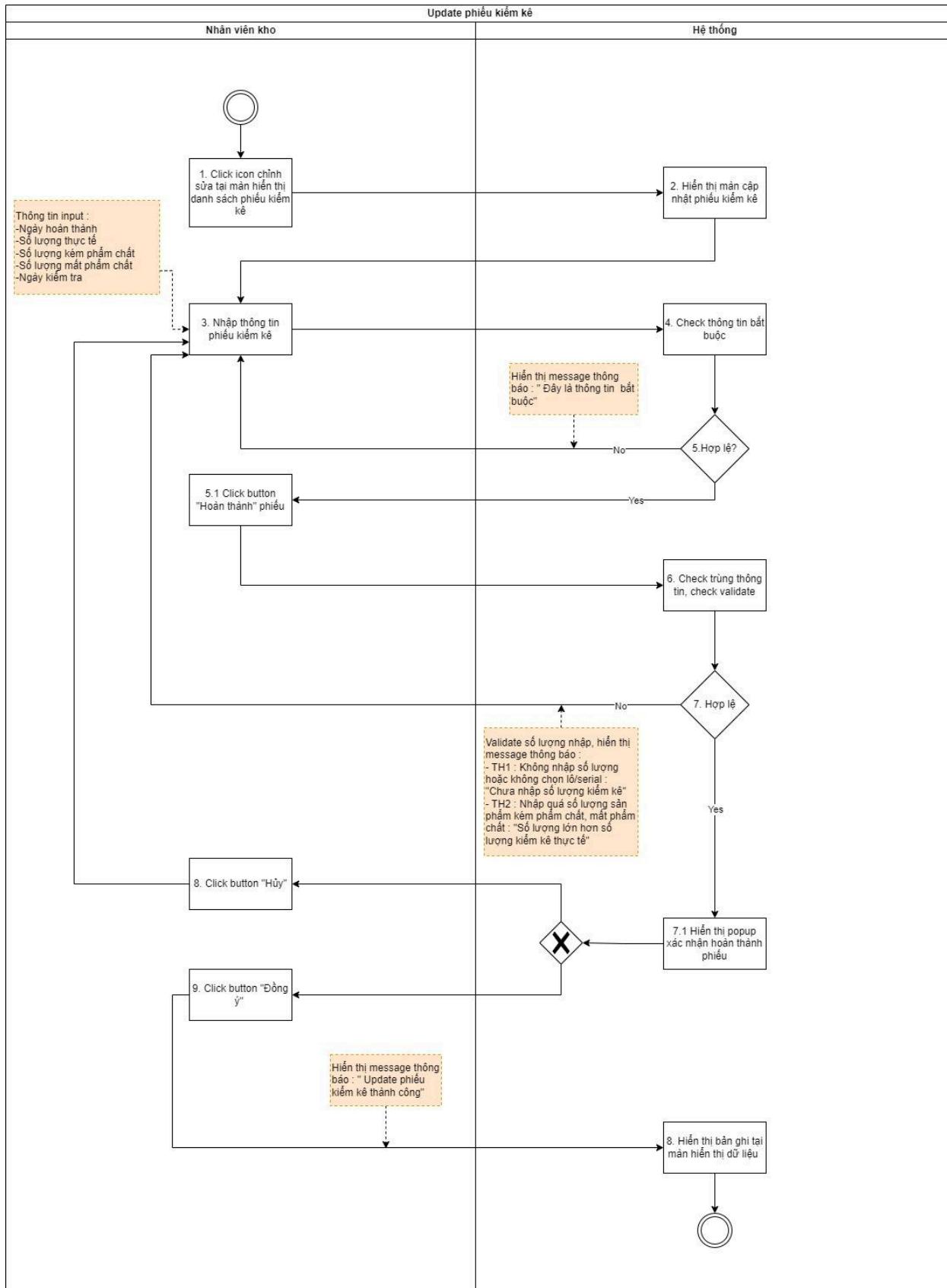
	Mã vị trí	Read Only	Có	<p>Hiển thị danh sách tất cả các mã vị trí cần kiểm kê của sản phẩm vừa chọn</p> <p>Lưu ý : Mã vị trí ở đây có thể là mã zone, mã dây, mã ô/bin,... Tùy theo phương pháp kiểm kê của kế hoạch kiểm kê</p>
	Tồn hệ thống	Read Only	Có	Hiển thị số lượng của tất cả vị trí của sản phẩm vừa chọn (lấy theo tồn ghi nhận tại hệ thống)
	Điều chỉnh	Radiobutton	Có	<p>1.Off: Khi vào màn kiểm kê chi tiết sản phẩm tại 1 vị trí => mặc định off (mặc định ghi nhận là đủ so với tồn hệ thống ghi nhận)</p> <p>2.On : click trong trường hợp muốn điều chỉnh chi tiết số lượng và tình trạng sản phẩm => Box vị trí của sản phẩm hiển thị thêm các thông tin :</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1 SL thất thoát 2.2 Số lượng mất phẩm chất 2.3 Số lượng kém phẩm chất 2.4 Số lượng thất thoát 2.5 Khai báo số lượng từng tình trạng 2.5.1 Chọn ô kho : trong trường hợp vị trí đang kiểm kê chưa phải ô kho (đơn vị vị trí nhỏ nhất)

				<p>2.5.2 Chọn lô/serial : trường hợp sản phẩm theo dõi theo lô serial</p> <p>=> Thứ tự ưu tiên check : Có phải ô kho nhỏ nhất không -> Có check theo lô/serial không (Trường hợp nào k có giá trị thì ẩn trường thông tin đó khi khai báo số lượng chi tiết cho vị trí->lô/serial</p> <p>2.6 Validate :</p> <p>CT1 : Tồn thực tế = Tồn hệ thống - Số lượng mất phẩm chất - Số lượng kém phẩm chất - Số lượng thất thoát</p> <p>CT2 : Số lượng hao hụt = Số lượng mất phẩm chất + Số lượng kém phẩm chất + Số lượng thất thoát</p>  <table border="1" data-bbox="889 1193 1411 1320"> <tr> <td>TH2 : Vị trí (box vị trí) là ô kho <u>DMS – Figma</u></td><td>TH1 : Vị trí chưa phải ô kho <u>DMS – Figma</u></td></tr> </table>	TH2 : Vị trí (box vị trí) là ô kho <u>DMS – Figma</u>	TH1 : Vị trí chưa phải ô kho <u>DMS – Figma</u>
TH2 : Vị trí (box vị trí) là ô kho <u>DMS – Figma</u>	TH1 : Vị trí chưa phải ô kho <u>DMS – Figma</u>					
	Số lượng tồn hệ thống	ReadOnly	Có	Là tổng số lượng sản phẩm cần kiểm kê tại tất cả các vị trí kiểm kê của sản phẩm		

	Số lượng tồn thực tế	ReadOnly	Có	<p>Là tổng số lượng sản phẩm kiểm kê thực tế tại tất cả các vị trí kiểm kê của sản phẩm</p> <p>$Tồn thực tế = Tồn hệ thống - Số lượng hao hụt$</p> <p>Hoặc</p> <p>$Tồn thực tế = Tồn hệ thống - Số lượng mất phẩm chất - Số lượng kém phẩm chất - Số lượng thất thoát$</p> <p>$Số lượng hao hụt = Số lượng mất phẩm chất + Số lượng kém phẩm chất + Số lượng thất thoát$</p>
	Số lượng thất thoát	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị mất trong quá trình kiểm kê</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng thất thoát đầy đủ từ tồn (của vị trí kiểm kê) về vị trí thất thoát (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực</p>
	Số lượng mất phẩm chất	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị mất phẩm chất trong quá trình kiểm kê (sản phẩm có hiện hưu trong kho nhưng k còn giá trị)</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng mất phẩm chất đầy đủ từ tồn (của vị trí kiểm kê)</p>

				về vị trí mất phẩm chất (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực
	Số lượng kém phẩm chất	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị kém phẩm chất trong quá trình kiểm kê (sản phẩm có hiện hữu trong kho nhưng chất lượng kém)</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng kém phẩm chất đầy từ tồn (của vị trí kiểm kê) về vị trí kém phẩm chất (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực</p>
	Ghi chú	Textbox	Có	<p>Click button hiển thị textbox gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhập nội dung ghi chú. Tối đa 250 ký tự. -Upload ảnh : Cho phép upload tối đa 5 ảnh (5MB) <p>Link figma demo chọn ghi chú : <u>DMS – Figma</u></p>

10.4.3 Biểu đồ luồng nghiệp vụ



10.4.4 Mô tả chi tiết luồng nghiệp vụ

Bước	Nhân viên kho	Hệ thống
1	Nhân viên	Tại màn hình trang chủ nhân viên kho click chọn <i>Kiểm kê > Danh sách kế hoạch kiểm kê > Bản ghi của kế hoạch kiểm kê</i>
2	Hệ thống	Hiển thị màn hình chi tiết phiếu kiểm kê
5.1	Nhân viên	<p>Người dùng chọn: "Chỉnh sửa" → Chuyển luồng chỉnh sửa phiếu kiểm kê "Xóa" → Chuyển luồng Xóa phiếu kiểm kê</p> <p>Kết thúc Usecase.</p>

10.4.5 Chức năng bị ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng

10.5 Cập nhật phiếu kiểm kê - chiều vị trí

10.5.1 Mô tả chung

Mục đích	Là nhân viên kho, tôi muốn cập nhật/thực hiện phiếu kiểm kê của mình, để thực hiện update thông tin phiếu.
-----------------	--

Đối tượng sử dụng	<i>Nhân viên kho</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Nhân viên bộ phận liên quan</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Dashboard > Kiểm kê > Kế hoạch kiểm kê/Tab phiếu kiểm kê > Click chi tiết bản ghi > Icon chỉnh sửa</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin chi tiết phiếu kiểm kê</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin chi tiết phiếu kiểm kê</i>

10.5.2 Màn hình

TH2 : Cập nhật phiếu kiểm kê từ chiều vị trí

<p>2.3.2 Update phiếu kiểm kê -vị trí kiểm kê</p> <p>Sản phẩm chưa kiểm kê (3/10) Vị trí kiểm kê (3/4)</p> <p>Danh sách vị trí kiểm kê</p> <table border="1"> <tr> <td>Z01-A02 Zone kho - KHOTP001</td> <td>Cập nhật kiểm kê → 4/5 SKU</td> </tr> <tr> <td>Z01-A02-03-04-02-B05 Zone kho - KHOTP001</td> <td>Vào kiểm kê vị trí → 0/5 SKU</td> </tr> <tr> <td>Z01-A02-03-04-02-B05 Zone kho - KHOTP001</td> <td>Xem kiểm kê → 5/5 SKU</td> </tr> </table> <table border="1"> <tr> <td>Số lượng mặt hàng kiểm kê</td> <td>3/100</td> </tr> <tr> <td>Số lượng tồn hệ thống</td> <td>320</td> </tr> <tr> <td>Số lượng tồn thực tế</td> <td>319</td> </tr> <tr> <td>Số lượng chênh lệch</td> <td>1</td> </tr> </table> <p>Ghi chú </p> <p>Upload ảnh chữ ký</p> <p>Hủy Xác nhận</p>	Z01-A02 Zone kho - KHOTP001	Cập nhật kiểm kê → 4/5 SKU	Z01-A02-03-04-02-B05 Zone kho - KHOTP001	Vào kiểm kê vị trí → 0/5 SKU	Z01-A02-03-04-02-B05 Zone kho - KHOTP001	Xem kiểm kê → 5/5 SKU	Số lượng mặt hàng kiểm kê	3/100	Số lượng tồn hệ thống	320	Số lượng tồn thực tế	319	Số lượng chênh lệch	1	<p>2.3.1.1 Cập nhật Phiếu kiểm : Sản phẩm kiểm kê...</p> <p>Điều chỉnh</p> <p>Tồn hệ thống : 120 hộp</p> <p>SL hao hụt: 10 hộp</p> <p>Điều chỉnh tình trạng</p> <p>Mặt phẩm chất 5 hộp + Chọn lô </p> <p>Kém phẩm chất 5 hộp + Chọn lô </p> <p>Thất thoát 0 hộp + Chọn lô </p> <p>Tồn thực tế : 110 hộp</p> <table border="1"> <tr> <td>Số lượng tồn hệ thống</td> <td>320</td> </tr> <tr> <td>Số lượng tồn thực tế</td> <td>319</td> </tr> <tr> <td>Số lượng thất thoát</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>Số lượng mặt phẩm chất</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>Số lượng kém phẩm chất</td> <td>10</td> </tr> </table> <p>Ghi chú </p> <p>Hủy Xác nhận</p>	Số lượng tồn hệ thống	320	Số lượng tồn thực tế	319	Số lượng thất thoát	20	Số lượng mặt phẩm chất	10	Số lượng kém phẩm chất	10
Z01-A02 Zone kho - KHOTP001	Cập nhật kiểm kê → 4/5 SKU																								
Z01-A02-03-04-02-B05 Zone kho - KHOTP001	Vào kiểm kê vị trí → 0/5 SKU																								
Z01-A02-03-04-02-B05 Zone kho - KHOTP001	Xem kiểm kê → 5/5 SKU																								
Số lượng mặt hàng kiểm kê	3/100																								
Số lượng tồn hệ thống	320																								
Số lượng tồn thực tế	319																								
Số lượng chênh lệch	1																								
Số lượng tồn hệ thống	320																								
Số lượng tồn thực tế	319																								
Số lượng thất thoát	20																								
Số lượng mặt phẩm chất	10																								
Số lượng kém phẩm chất	10																								

Màn 2.3.1 : Đường dẫn : Click cập nhật phiếu kiểm kê/ Tab vị trí kiểm kê
Link figma : [DMS – Figma](#)

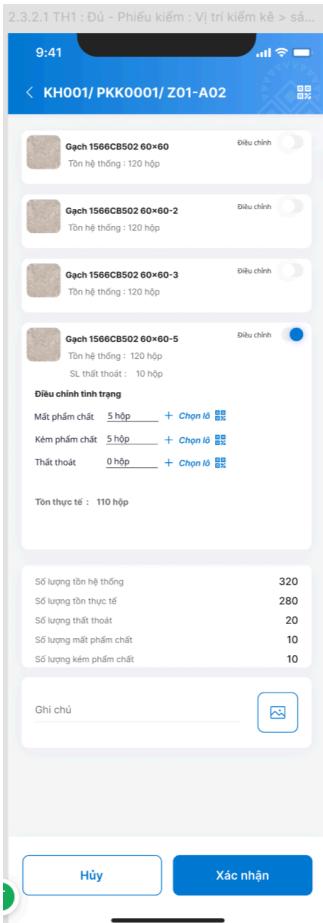
Màn 2.3.2.1 TH1 : Đủ - Phiếu kiểm : Vị trí kiểm kê > sản phẩm
Đường dẫn : Click cập nhật phiếu kiểm kê/ Tab vị trí kiểm kê > click box sản phẩm kiểm kê
Link figma : [DMS – Figma](#)

	Tên control	Loại control	Riquire	Mô tả
1.Thông tin sản phẩm kiểm kê của phiếu				
1.1 Thông tin box vị trí				
	Mã vị trí	Read Only	Có	Hiển thị thông tin mã vị trí cần kiểm kê của phiếu
	Số SKU kiểm kê	Read Only	Có	<p>Hiển thị số lượng SKU đã kiểm kê/Tổng SKU cần kiểm kê tại vị trí của phiếu theo dạng X/Y</p> <p>Trong đó :</p> <p>X : Số lượng SKU tại vị trí đã thực hiện</p> <p>Lưu ý : Số lượng này sẽ được update lại trong trường hợp user cập nhật kiểm kê từ tab sản phẩm</p> <p>Y : Tổng số lượng sản phẩm tại vị trí cần kiểm kê của phiếu</p>
	Cập nhật/Thực hiện kiểm kê	Textlink		<p>Click điều hướng sang màn danh sách các vị trí cần kiểm kê của sản phẩm</p> <p>Chi tiết mô tả màn 2.3.1.1 2.3.2.1 Mục 1.2 Thông tin sản phẩm cần kiểm kê tại vị trí</p>

Mục 1.2 Thông tin sản phẩm cần kiểm kê tại vị trí

Tên màn figma : 2.3.2.1 TH1 : Đủ - Phiếu kiểm : Vị trí kiểm kê > sản phẩm

Link figma : [DMS – Figma](#)



	Mã sản phẩm	Read Only	Có	Hiển thị danh sách tất cả các mã sản phẩm cần kiểm kê tại vị trí vừa chọn
--	-------------	-----------	----	---

	Tồn hệ thống	Read Only	Có	Hiển thị số lượng của sản phẩm tại vị trí vừa chọn (lấy theo tồn ghi nhận tại hệ thống)
	Điều chỉnh	Radiobutton	Có	<p>1.Off: Khi vào màn kiểm kê chi tiết sản phẩm tại 1 vị trí => mặc định off (mặc định ghi nhận là đủ so với tồn hệ thống ghi nhận)</p> <p>2.On : click trong trường hợp muốn điều chỉnh chi tiết số lượng và tình trạng sản phẩm => Box vị trí của sản phẩm hiển thị thêm các thông tin :</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1 SL thất thoát 2.2 Số lượng mất phẩm chất 2.3 Số lượng kém phẩm chất 2.4 Số lượng thất thoát 2.5 Khai báo số lượng từng tình trạng 2.5.1 Chọn ô kho : trong trường hợp vị trí đang kiểm kê chưa phải ô kho (đơn vị vị trí nhỏ nhất) 2.5.2 Chọn lô/serial : trường hợp sản phẩm theo dõi theo lô serial <p>=> Thứ tự ưu tiên check : Có phải ô kho nhỏ nhất không -> Có check theo lô/serial không (Trường hợp nào k có giá trị thì ẩn trường thông tin đó khi khai báo số lượng chi tiết cho vị trí->lô/serial</p>

				<p>2.6 Validate :</p> <p>CT1 : Tồn thực tế = Tồn hệ thống - Số lượng mất phẩm chất - Số lượng kém phẩm chất - Số lượng thất thoát</p> <p>CT2 : Số lượng hao hụt = = Số lượng mất phẩm chất + Số lượng kém phẩm chất + Số lượng thất thoát</p> <table border="1"> <tr> <td style="text-align: center;"> </td><td style="text-align: center;"> </td></tr> <tr> <td style="text-align: center;">TH2 : Vị trí (box vị trí) là ô kho DMS – Figma</td><td style="text-align: center;">TH1 : Vị trí chưa phải ô kho DMS – Figma</td></tr> </table>			TH2 : Vị trí (box vị trí) là ô kho DMS – Figma	TH1 : Vị trí chưa phải ô kho DMS – Figma
TH2 : Vị trí (box vị trí) là ô kho DMS – Figma	TH1 : Vị trí chưa phải ô kho DMS – Figma							

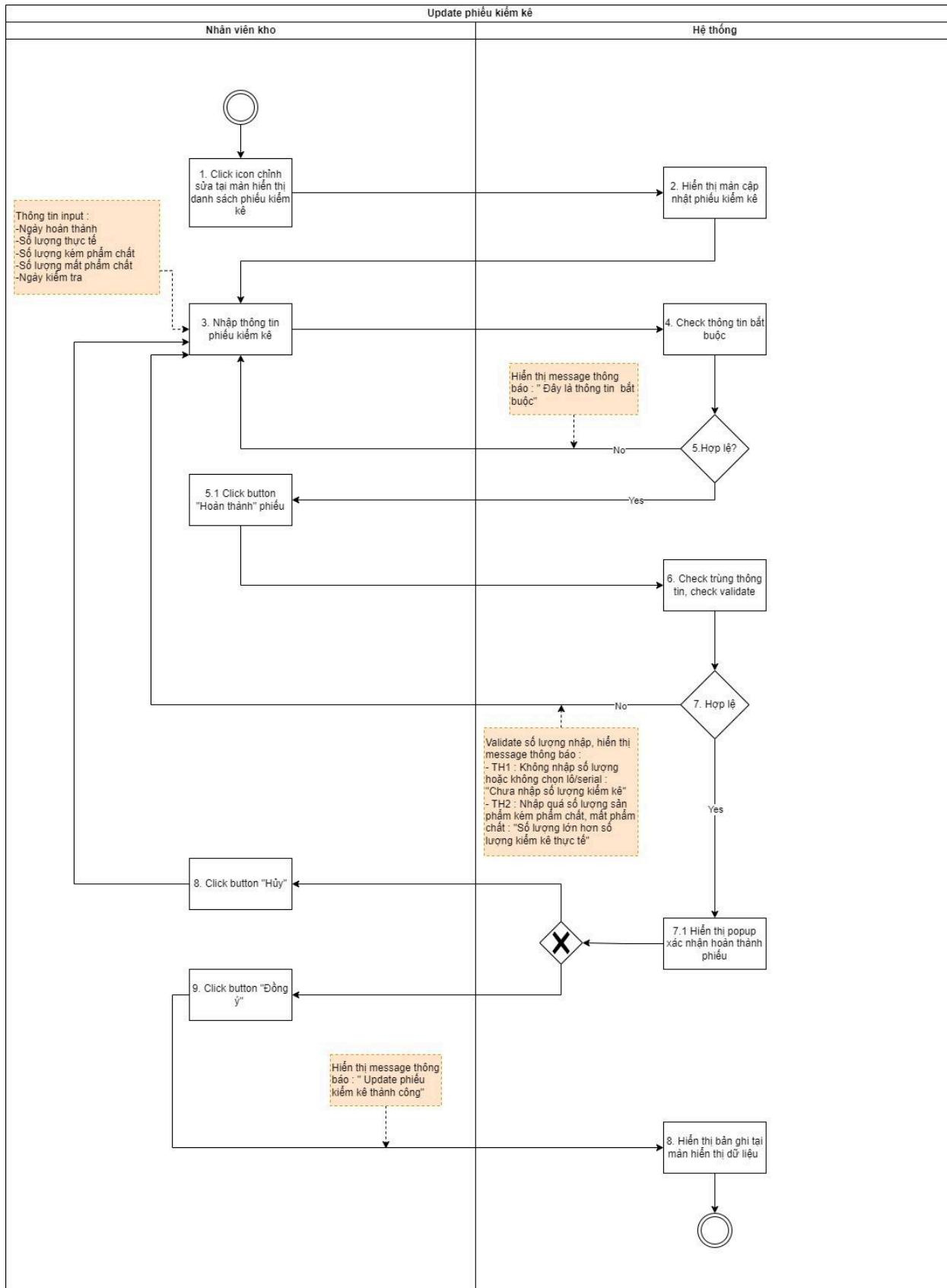
Box thống kê của phiếu kiểm kê

	Số lượng tồn hệ thống	ReadOnly	Có	Là tổng số lượng sản phẩm cần kiểm kê tại tất cả các vị trí kiểm kê của sản phẩm
	Số lượng tồn thực tế	ReadOnly	Có	<p>Là tổng số lượng sản phẩm kiểm kê thực tế tại tất cả các vị trí kiểm kê của sản phẩm</p> <p>Tồn thực tế = Tồn hệ thống - Số lượng hao hụt</p>

				<p>Hoặc</p> <p>Tồn thực tế = Tồn hệ thống - Số lượng mất phẩm chất - Số lượng kém phẩm chất - Số lượng thất thoát</p> <p>Số lượng hao hụ = = Số lượng mất phẩm chất + Số lượng kém phẩm chất + Số lượng thất thoát</p>
	Số lượng thất thoát	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị mất trong quá trình kiểm kê</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng thất thoát đầy từ tồn (của vị trí kiểm kê) về vị trí thất thoát (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực</p>
	Số lượng mất phẩm chất	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị mất phẩm chất trong quá trình kiểm kê (sản phẩm có hiện hữu trong kho nhưng k còn giá trị)</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng mất phẩm chất đầy từ tồn (của vị trí kiểm kê) về vị trí mất phẩm chất (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực</p>

	Số lượng kém phẩm chất	ReadOnly	Có	<p>Số lượng ghi nhận bị kém phẩm chất trong quá trình kiểm kê (sản phẩm có hiện hữu trong kho nhưng chất lượng kém)</p> <p>Sau khi kiểm kê xong: Số lượng kém phẩm chất đầy từ tồn (của vị trí kiểm kê) về vị trí kém phẩm chất (vị trí logic) để điều chỉnh tồn kho thực</p>
	Ghi chú	ReadOnly	Có	

10.5.3 Biểu đồ luồng nghiệp vụ



10.5.4 Mô tả chi tiết luồng nghiệp vụ

Bước	Nhân viên kho	Hệ thống
1	Nhân viên	Tại màn hình trang chủ nhân viên kho click chọn <i>Kiểm kê > Danh sách kế hoạch kiểm kê > Bản ghi của kế hoạch kiểm kê</i>
2	Hệ thống	Hiển thị màn hình chi tiết phiếu kiểm kê
5.1	Nhân viên	<p>Người dùng chọn: "Chỉnh sửa" → Chuyển luồng chỉnh sửa phiếu kiểm kê "Xóa" → Chuyển luồng Xóa phiếu kiểm kê</p> <p>Kết thúc Usecase.</p>

10.5.5 Chức năng bị ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng

10.6 Xóa phiếu kiểm kê

10.6.1 Mô tả chung

Mục đích	Là nhân viên, tôi muốn xóa phiếu kiểm kê được phép xóa
----------	--

Đối tượng sử dụng	<i>Nhân viên kho</i>
Đối tượng ảnh hưởng	<i>Nhân viên kho</i>
Kênh áp dụng	<i>Web</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Dashboard > Kiểm kê > Kế hoạch kiểm kê/Tab phiếu kiểm kê > Click icon xóa</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Danh sách phiếu kiểm kê</i>
Dữ liệu đầu ra	

10.6.2 Màn hình

Link figma :

STT	Tên control	Loại control	Riquire	Mô tả
1	Xác nhận xóa phiếu kiểm kê	Text	Có	Hiển thị popup thông báo yêu cầu người dùng xác nhận: "Bạn có chắc chắn muốn xóa phiếu kiểm kê <Mã phiếu kiểm kê> này không?"
2	Đồng ý	Button	Có	Người dùng chọn button "Xác nhận" → Client gửi yêu cầu xóa các thông tin bản ghi

3	Hủy	Button		Người dùng chọn button "Đóng" → Client hiển thị màn hình danh sách phiếu kiểm kê
---	-----	--------	--	--

10.6.3 Biểu đồ luồng nghiệp vụ

10.6.4 Mô tả chi tiết luồng nghiệp vụ

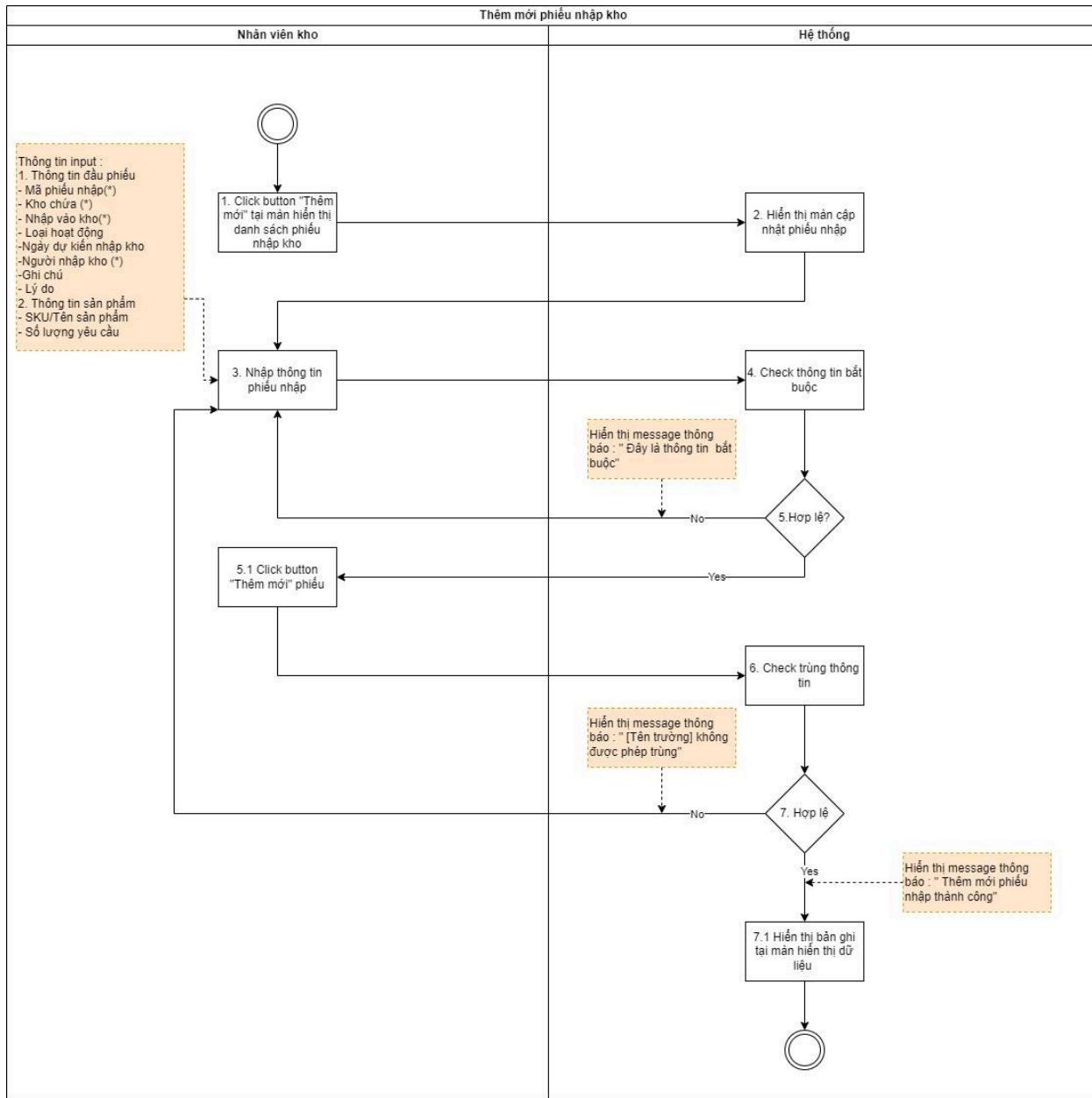
Bước	Tác động	Mô tả
1	Nhân viên	Người dùng thực hiện tìm kiếm thông tin phiếu có trạng thái ghi nhận tại màn danh sách phiếu kiểm kê và chọn "Xóa"
2	Hệ thống	Hiển thị popup xác nhận xóa phiếu "Bạn có chắc chắn muốn xóa phiếu kiểm kê <Mã phiếu kiểm kê> này không?"
3	Nhân viên	Click button "Xác nhận" xóa bản ghi
4	Hệ thống	Gửi yêu cầu xóa thông tin bản ghi, thông tin gửi lên bao gồm thông tin và trạng thái phiếu.
5	Hệ thống	Hiển thị kết quả xử lý : Nếu xóa thông tin phiếu thành công → Hiển thị thông báo "Xóa phiếu kiểm kê thành công". đóng popup hiển thị màn hình danh sách phiếu kiểm kê.

	<p>Nếu xóa thông tin phiếu thất bại → Hiển thị thông báo " Xóa phiếu kiểm kê không thành công". đóng popup hiển thị màn hình danh sách phiếu kiểm kê.</p> <p>Kết thúc Usecase.</p>
--	--

10.6.5 Chức năng bị ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng

10.7 Thêm mới kiểm kê phát sinh



Link figma : [DMS – Figma](#)

10.7.1 Mô tả chung

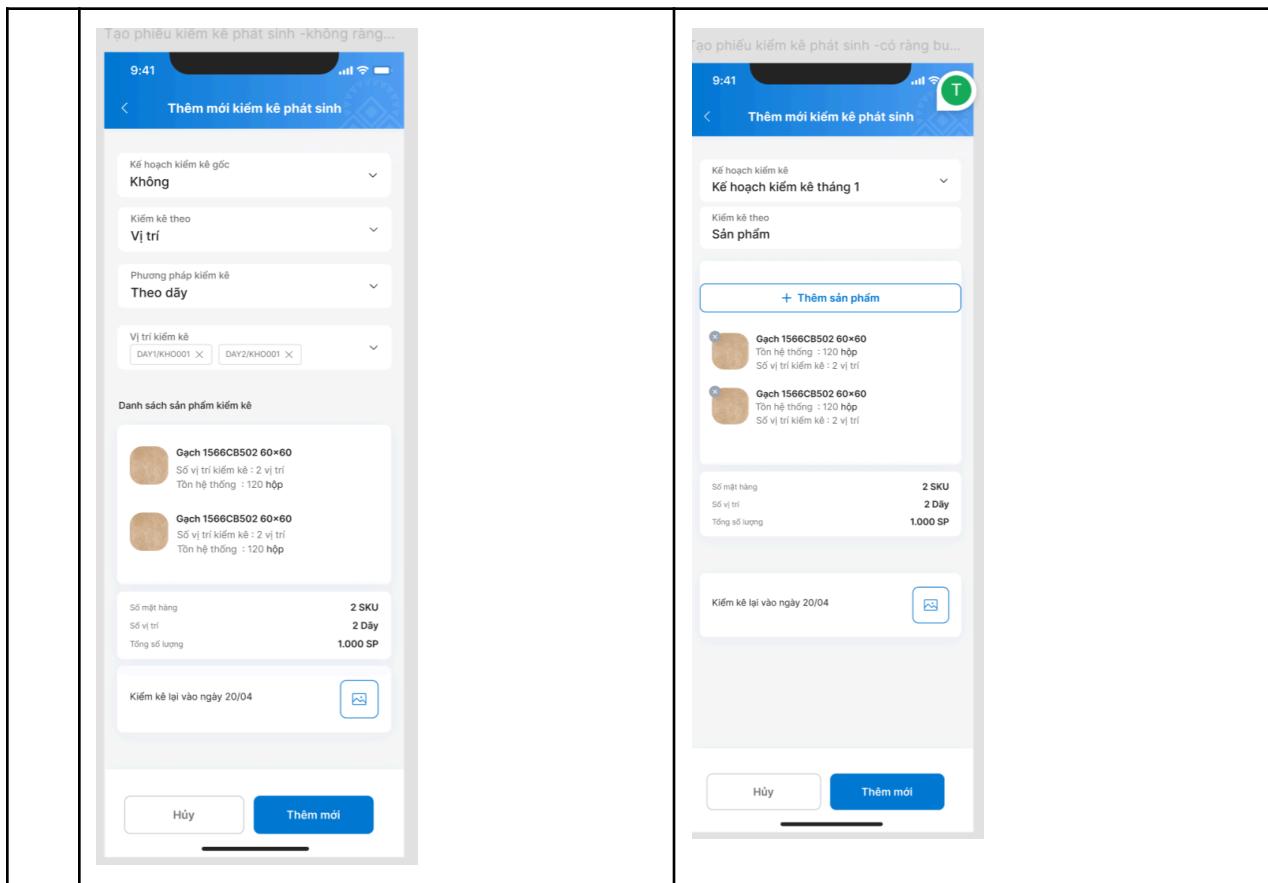
Mục đích	<i>Là nhân viên kho, tôi tạo kiểm kê phát sinh để kiểm kê đột xuất nội bộ khu vực mình quản lý</i>
Đối tượng sử dụng	<i>Quản lý kho, nhân viên kho,..</i>

Đối tượng ảnh hưởng	<i>Quản lý kho, nhân viên kho,..</i>
Kênh áp dụng	<i>App</i>
Đường dẫn chức năng	<i>Trang chủ > Kiểm kê > Danh sách kế hoạch kiểm kê > Tạo mới</i>
Dữ liệu đầu vào	<i>Thông tin user, thông tin vị trí, thông tin sản phẩm</i>
Dữ liệu đầu ra	<i>Thông tin kiểm kê phát sinh</i>

Actor chính	
Mô tả	
Trigger	
Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)	
Dòng sự kiện chính (Main Flow)	
Dòng sự kiện thay thế	

(Alternative Flows)	
Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)	
Điều kiện hoàn thành(Post – conditions)	
Business Rules	

10.7.2 Mô tả màn hình :



	Tạo phiếu kiểm kê phát sinh -không ràng buộc KHKK trước - kiểm kê theo vị trí	Tạo phiếu kiểm kê phát sinh -không ràng buộc KHKK trước - kiểm kê theo sản phẩm
--	---	---

ST T	Tên trường	Loại contr ol	Chỉn h sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Kế hoạch kiểm kê gốc (*)	<u>Single choice</u> <u>dropd own</u> <u>list</u>				Lấy danh sách tất cả các kế hoạch kiểm kê chưa kết thúc (chưa hoàn thành) Giá trị mặc định = Không
	Kiểm kê theo (*)	<u>Single choice</u> <u>dropd own</u> <u>list</u>				Fix cứng gồm 2 giá trị : Theo sản phẩm, theo vị trí
	Cấp độ kiểm kê (*)	<u>Single choice</u> <u>dropd own</u> <u>list</u>				Fix cứng gồm : Theo zone, Theo dãy, Theo ô kho
	Khu vực kiểm kê (*)	<u>Single choice</u> <u>dropd</u>				Hiển thị trường này trong trường hợp chọn kiểm kê theo vị trí

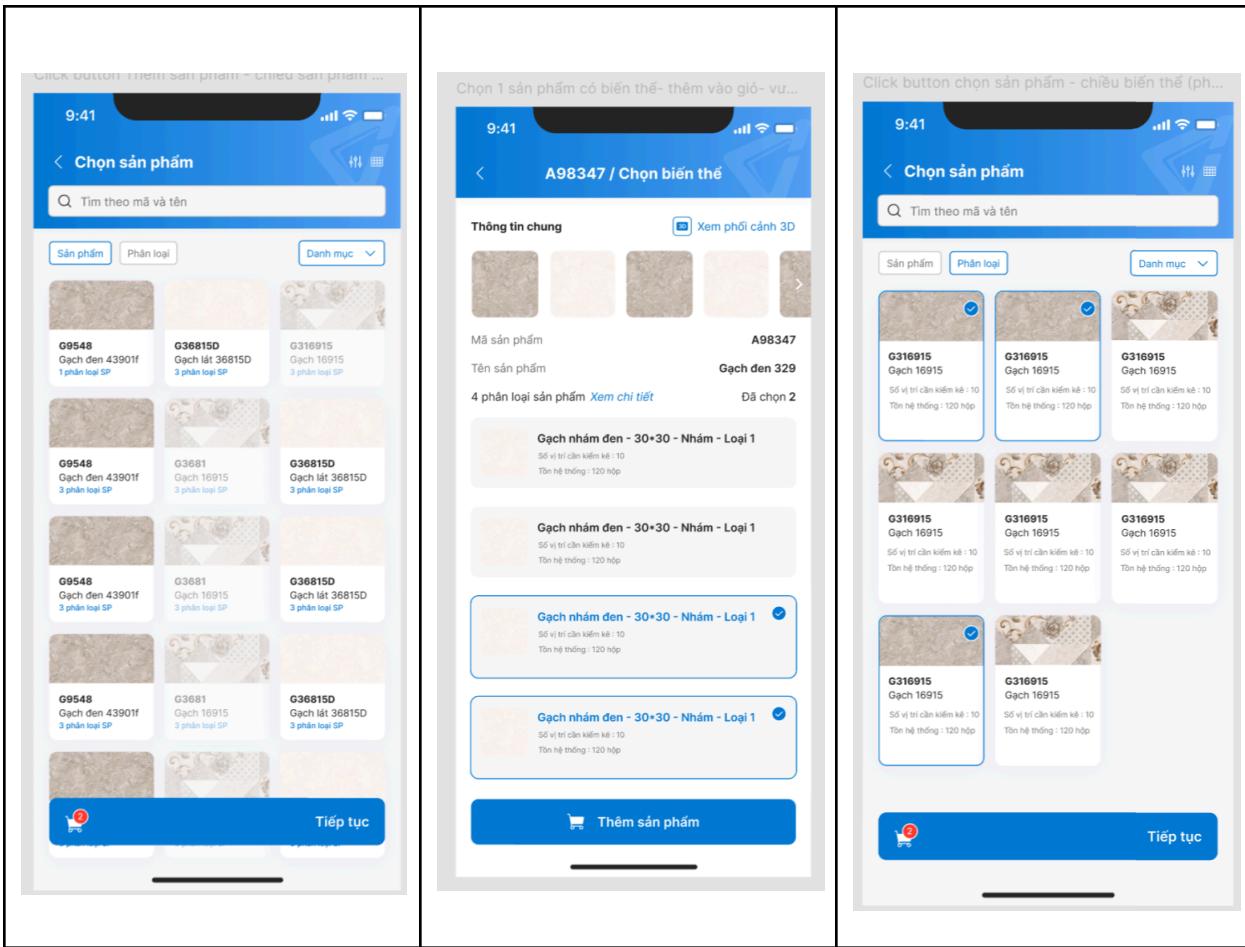
		<u>own list</u>			Fix cứng gồm 2 giá trị : Theo zone độc lập, theo kho
	Phương pháp kiểm kê (*)	<u>Single choice dropd own list</u>			<p>TH1 : Kiểm kê theo vị trí</p> <p>Mặc định gồm các giá trị : Theo zone, Theo dây, theo ô kho</p> <p>TH2 : Kiểm kê theo sản phẩm</p> <p>Gồm : Danh mục sản phẩm, Sản phẩm, Toàn bộ (Mặc định)</p>
	Danh mục sản phẩm (*)	<u>Multi- choice dropd own</u>			<p>Hiển thị trong trường hợp chọn phương pháp kiểm kê : Danh mục sản phẩm</p> <p>Hiển thị tất cả các danh mục sản phẩm từng nhập kho (Kho mà user được phép truy cập)</p>
	Vị trí kiểm kê (*)	<u>Multi- choice dropd own</u>			<p>Hiển thị trường này trong trường hợp chọn kiểm kê theo vị trí</p> <p>Lấy tất cả giá trị check điều kiện và của 2 trường thông tin cấp độ kiểm kê, khu vực kiểm kê</p> <p>=> Vị trí kiểm kê hiển thị tất cả các dây thuộc zone (hoặc kho) user được quyền thực hiện</p> <p>Giá trị mặc định = tất cả</p> <p>Ví dụ :</p> <p>Cấp độ kiểm kê : kiểm kê theo dây</p> <p>Khu vực kiểm kê : theo kho (User đăng nhập được quyền kiểm kê ở kho TP1</p>

					<p>(gồm 3 dãy A1, A2, A3, kho TP2 gồm 2 dãy B1,B2)</p> <p>=> Vị trí kiểm kê hiển thị select gồm 5 giá trị : A1,A2,A3,B1,B2</p>
	Thêm sản phẩm (*)	<u>Button</u>			<p>Line 1 : Hiển thị Mã + tên sản phẩm (theo biến thẻ) trên cùng 1 line (tối đa 50 kí tự)</p> <p>Line 2 : Hiển thị tồn kho của sản phẩm tại tất cả các vị trí được phép kiểm kê</p> <p>Line 3 : Hiển thị số vị trí được phép kiểm kê của user</p> <p>1. Click button Thêm sản phẩm hiển thị danh sách tất cả sản phẩm check thuộc zone, kho đã chọn được phép áp dụng</p> <p>2. Chi tiết mô tả chọn sản phẩm kiểm kê : Xem chi tiết</p>
	Số mặt hàng				Hiển thị số lượng mã hàng đã chọn bên trên
	Số vị trí				Hiển thị số lượng vị trí cần kiểm kê của phiếu
	Tổng số lượng				Hiển thị tổng số lượng = tổng số lượng cần kiểm kê của tất cả các mã hàng tại tất cả các vị trí cần kiểm kê
Thông tin thêm					
	Ghi chú				<p>Click button hiển thị textbox gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhập nội dung ghi chú. Tối đa 250 ký tự. -Upload ảnh : Cho phép upload tối đa 5 ảnh (5MB)

					<p>Link figma demo chọn ghi chú : DMS – Figma</p> 
	Ngày mong muốn nhập hàng	<u>Button</u>			<p>Click button, hiển thị calendar chọn ngày khách hàng mong muốn nhập hàng.</p> <p>Validate : Ngày hiện tại \leq Ngày mong muốn nhập hàng</p>
	Thêm mới	<u>Button</u>			<p>Check thông tin input,..</p> <p>Sau khi submit thành công, phiếu nhập kho hiển thị tại màn danh sách phiếu nhập với trạng thái Chưa xử lý</p> <p>Mã phiếu nhập tự động sinh theo định dạng PXKTC-STT</p>

10.7.2.1 Thêm sản phẩm kiểm kê

Click button thêm sản phẩm - chiều sản phẩm mẫu		Click button chọn sản phẩm - chiều biến thể (phân loại của sản phẩm)
---	--	--



Link figma : [DMS – Figma](#)

2.1.2 Màn hình

Đường dẫn : Tại màn thêm mới kiểm kê phát sinh , click button thêm sản phẩm => Hiển thị màn chọn sản phẩm kiểm kê

ST T	Tên trường	Loại control	Bắt buộc	Mô tả
	Sắp xếp			<p>Click button để cấu hình sắp xếp cho sản phẩm</p> <p>Cho phép sắp xếp theo</p> <p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời gian tạo mới nhất

				<ul style="list-style-type: none"> • Thời gian tạo cũ nhất <p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> • Theo tên từ A đến Z • Theo tên từ Z đến A
	Icon layout			Click button để đổi layout chọn, có 2 layout chọn theo dạng list 1 sản phẩm 1 dòng và dạng lưới 3 sản phẩm 1 dòng
	Tìm kiếm	<u>Button</u>		<p>Click button để tìm kiếm chi tiết sản phẩm,</p> <p>Cho phép tìm kiếm tương đối theo mã và tên sản phẩm</p>
	Sản phẩm	<u>Button</u>		<p>Mặc định chọn, khi chọn thì hiển thị danh sách product_template trên hệ thống</p> <p>danh sách hiển thị dạng layout người dùng chọn</p>
	Phân loại	<u>Button</u>		<p>Click button hiển thị danh sách product(biến thể) trên hệ thống</p> <p>Danh sách hiển thị dạng layout người dùng chọn</p> <p>Thứ tự biến thể hiển thị lần lượt theo thứ tự sản phẩm mẫu</p> <p>Trường hợp có chọn sắp xếp theo thời gian tạo thì hiển thị thứ tự theo thời gian tạo product_template của biến thể</p>

	Danh mục	<u>Single choice dropdown list</u>		<p>Click chọn hiển thị danh sách danh mục trên hệ thống</p> <p>Trường hợp chọn danh mục thì search hiển thị các sản phẩm theo danh mục được chọn</p> <p>Trường hợp có đổi sang tab phân loại khi đã filter theo danh mục thì danh sách sản phẩm biến thể cũng được load lại search theo danh mục được chọn</p>
	Thông tin sản phẩm	<u>Button</u>		<p>1. Hiển thị tất cả sản phẩm có type là Thành phẩm bán hàng gồm các thông tin :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Mã -Tên -Số lượng biến thể của sản phẩm (Trường hợp không có biến thể thì ko hiển thị line này) -Radio button : Click để chọn sản phẩm (không có biến thể) muốn thêm vào giỏ hàng. Trường hợp sản phẩm có biến thể => disable radio button, bắt buộc đi vào màn danh sách các biến thể để thêm sản phẩm vào giỏ hàng. <p>Màn hình demo trường hợp chọn sản phẩm, link figma : DMS – Figma</p> <p>2. Click box thông tin sản phẩm để :</p> <p>2.1 Click box hiển thị màn chi tiết thông tin sản phẩm (với sản phẩm không có biến thể) : Xem chi tiết</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p> <p>2.2 Click box hiển thị màn danh sách các biến thể (với sản phẩm có biến thể) : Xem chi tiết</p> <p>Link figma : DMS – Figma</p>

	Giỏ hàng	<u>Single choice dropdown list</u>		Hiển thị thông tin sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng, bao gồm các thông tin : - Số lượng mặt hàng đã thêm vào giỏ - Button tiếp tục : Click button điều hướng sang màn thêm mới đơn hàng và hiển thị danh sách các mặt hàng + số lượng đã chọn
--	----------	------------------------------------	--	---

10.7.3 Checklist

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Không
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Không
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	•
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	•
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

10.7.4 Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
- N/a	- N/a

